

## **LỜI MỞ ĐẦU**

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, việc cạnh tranh giữa các loại hình doanh nghiệp diễn ra rất gay gắt và khốc liệt. Để tìm cho mình một chỗ đứng vững chắc trên thị trường đòi hỏi các doanh nghiệp phải có sức mạnh nội lực và có một môi trường kinh doanh lành mạnh.

Nắm được tình hình và nhu cầu đó, Đảng và Nhà nước ta không ngừng đổi mới các chính sách pháp luật để mở rộng cơ chế chính sách, kêu gọi đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài được tự do kinh doanh và bình đẳng trước pháp luật. Đất nước ta đang đứng trước một thời cơ mới, một vận hội mới để làm thay đổi diện mạo của đất nước, đưa đất nước tiến lên ngày càng giàu mạnh hơn. Nhiệm vụ này đặt trên vai các doanh nghiệp Việt Nam một trọng trách rất to lớn, những người sẽ đem lại tiền của cho đất nước, góp phần công nghiệp hóa hiện đại hoá đất nước.

Để làm được điều đó, các doanh nghiệp phải biết phát huy hết khả năng và sức mạnh của mình để luôn luôn làm chủ trước mọi thời cơ, có những chiến lược phát triển kinh doanh, phát triển sản phẩm phù hợp với ngành nghề mà doanh nghiệp đã và đang theo đuổi. Mục tiêu cuối cùng của các nhà doanh nghiệp là lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh. Nhưng muốn biết được doanh nghiệp mình hoạt động có hiệu quả hay không thì phải nhờ vào công tác kế toán cụ thể là việc hạch toán kết quả kinh doanh, từ đó doanh nghiệp có thể quyết định chuyển hướng sản xuất kinh doanh mặt hàng khác hay tìm một giải pháp nào đó để thu được lợi nhuận.

Đi đôi với sự phát triển của nền kinh tế, hệ thống kế toán Việt Nam cũng đã đổi mới, phù hợp với nền kinh tế và hoà nhập với nền kinh tế và hoà nhập với chuẩn mực quốc tế. Nói cách khác, trong một doanh nghiệp nhất thiết phải có hạch toán kế toán vì vậy đây là môn khoa học quản lý đồng thời cũng là một công việc, một nghề nghiệp trong lĩnh vực quản lý kinh tế tài chính.

Nội dung công tác kế toán ở doanh nghiệp là công việc thu nhận hệ thống hoá, xử lý và cung cấp thông tin về toàn bộ tài sản của doanh nghiệp, các hoạt động kinh doanh, kết quả hoạt động của từng hoạt động kinh tế tài chính của doanh nghiệp và cung cấp các thông tin kinh tế phục vụ cho quản lý kinh tế tài chính.

Chính vì vậy hạch toán kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh có vai trò đặc biệt quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh, là công cụ đắc lực giúp cho lãnh đạo doanh nghiệp có hướng đầu tư đúng đắn, hạn chế được rủi ro trong kinh doanh, bảo toàn và phát triển vốn sản xuất.

Từ nhận thức trên, trong thời gian thực tập tại công ty TNHH chống ăn mòn Hoàng Long, em đã tìm hiểu thực tế về công tác tổ chức kế toán tại Công ty và chọn nghiên cứu đề tài: “Hoàn thiện công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh” tại Công ty. Với mong muốn tìm hiểu thực tế nhằm nâng cao vốn kiến thức cho bản thân và đóng góp một phần nhỏ vào quá trình hoàn thiện công tác tổ chức kế toán tại Công ty.

***Nội dung khoá luận gồm ba chương:***

***Chương I:*** Lý luận chung về công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong Doanh nghiệp.

***Chương II:*** Thực trạng công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH chống ăn mòn Hoàng Long.

***Chương III:*** Một số kiến nghị hoàn thiện công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH chống ăn mòn Hoàng Long.

**CHƯƠNG I:**  
**LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU,**  
**CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH**

**1.1. Một số khái niệm cơ bản về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp**

***1.1.1. Doanh thu bán hàng trong doanh nghiệp***

***1.1.1.1. Khái niệm:***

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế trong doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

***1.1.1.2. Hạch toán doanh thu cần tôn trọng một số quy định sau:***

1/ Việc xác định và ghi nhận doanh thu phải tuân thủ các quy định trong chuẩn mực kế toán số 14 “doanh thu và thu nhập khác” và các chuẩn mực kế toán khác có liên quan.

2/ Việc ghi nhận doanh thu phải theo nguyên tắc phù hợp. Khi ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó.

3/ Chỉ ghi nhận doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa khi thoả mãn 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sử dụng hàng hoá
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

4/ Khi hàng hoá hoặc dịch vụ được trao đổi để lấy doanh thu bán hàng hoá hoặc dịch vụ tương tự về bản chất và giá trị thì việc trao đổi đó không được coi là một giao dịch tạo ra doanh thu và không được ghi nhận doanh thu

5/ Doanh thu phải được theo dõi riêng biệt theo từng loại doanh thu

- Doanh thu bán hàng
- Doanh thu cung cấp dịch vụ
- Doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia

Trong từng loại doanh thu lại được chi tiết cho từng khoản doanh thu như: doanh thu bán hàng có thể chi tiết thành doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá... nhằm phục vụ cho việc xác định đầy đủ, chính xác kết quả kinh doanh theo yêu cầu quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh và lập báo cáo tài chính.

6/ Nếu trong kỳ kế toán phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu và cung cấp dịch vụ như: CKTM, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại... thì phải được hạch toán riêng biệt. Các khoản giảm trừ doanh thu được tính trừ vào doanh thu ghi nhận ban đầu để xác định doanh thu thuần là căn cứ xác định kết quả kinh doanh.

### ***1.1.1.3. Nội dung doanh thu và phương pháp xác định doanh thu trong doanh nghiệp***

***a/ Nội dung doanh thu trong doanh nghiệp bao gồm:***

❶ ***Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:*** Là số tiền ghi trên hoá đơn bán hàng hay hợp đồng cung cấp lao vụ, dịch vụ

❷ ***Doanh thu bán hàng nội bộ:*** Phản ánh doanh thu của số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ doanh nghiệp

❸ ***Doanh thu hoạt động tài chính:*** Phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp đã được coi là thực hiện trong kỳ không phân biệt doanh thu đã thu được hay sẽ thu được tiền.

***Nội dung của doanh thu hoạt động tài chính gồm:***

➤ Tiền lãi: lãi cho vay, lãi bán hàng trả chậm, cố tức, lợi nhuận được chia, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, lãi cho thuê tài chính, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hoá dịch vụ...

➤ Thu nhập từ cho thuê tài sản, kinh doanh bất động sản

➤ Cổ tức và lợi nhuận được chia

➤ Thu nhập về hoạt động đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn

➤ Thu nhập về chuyển nhượng, cho thuê cơ sở hạ tầng

➤ Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác

➤ Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ, chênh lệch tỷ giá

➤ Chênh lệch lãi do chuyển nhượng vốn

④ **Thu nhập khác:** Là những khoản mà doanh nghiệp không dự tính trước được hoặc có dự tính đến nhưng ít có khả năng thực hiện, hoặc là những khoản không mang tính chất thường xuyên như: doanh thu về thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, giá trị vật tư, tài sản thừa trong sản xuất, các khoản nợ vắng chủ hay nợ không ai đòi, hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho...

***b/ Phương pháp xác định doanh thu trong doanh nghiệp:***

- Với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì doanh thu là giá bán chưa có thuế GTGT

- Với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp doanh thu là tổng giá thành toán (giá bán có thuế GTGT)

- Với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB, thuế xuất khẩu thì doanh thu là tổng giá thanh toán (giá bán bao gồm cả thuế TTĐB hoặc thuế xuất khẩu)

- Doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hoá thì chỉ cần phản ánh vào doanh thu số tiền gia công thực tế được hưởng không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

### **1.1.2. Các yếu tố làm giảm doanh thu của doanh nghiệp**

- **Chiết khấu thương mại:** Là khoản giảm trừ trên giá bán thông thường cho người mua khi họ mua với khối lượng lớn. Khoản giảm giá có thể phát sinh trên khối lượng từng lô hàng mà khách hàng đã mua, cũng có thể phát sinh trên tổng khối lượng hàng lũy kế mà khách hàng đã mua trong quãng thời gian nhất định tùy thuộc vào chính sách CKTM của bên bán.

- **Giảm giá hàng bán:** Là khoản giảm trừ giành cho người mua do những nguyên nhân thuộc về người bán như: hàng kém, mất phẩm chất hay không đúng trong hợp đồng kinh tế...

- **Hàng bán bị trả lại:** Là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán do các nguyên nhân như: vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị mất, kém phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách. Khi doanh nghiệp ghi nhận trị giá hàng bán bị trả lại đồng thời ghi giảm tương ứng trị giá vốn hàng bán trong kỳ

- **Thuế TTĐB, thuế xuất khẩu, thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp** là các khoản thuế được xác định trực tiếp trên doanh thu bán hàng theo quy định hiện hành của luật thuế tùy thuộc vào từng mặt hàng khác nhau. Thuế TTĐB (trường hợp được coi là một trong những khoản giảm trừ doanh thu) phát sinh khi doanh nghiệp cung cấp các loại sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất (hoặc các loại dịch vụ) thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB cho khách hàng. Khi đó doanh thu bán hàng được ghi nhận trong kỳ theo giá bán trả ngay đã bao gồm thuế TTĐB (chưa bao gồm thuế GTGT). Doanh nghiệp phải xác định thuế TTĐB phải nộp vào ngân sách Nhà nước căn cứ vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ.

### **1.1.3. Chi phí kinh doanh trong doanh nghiệp**

#### **1.1.3.1. Khái niệm:**

**Chi phí** là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các hao phí về lao động sống và lao động vật hoá mà các doanh nghiệp đã bỏ ra để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh trong một kỳ kế toán nhất định.

### **1.1.3.2. Các loại chi phí:**

#### **❶ Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hoá (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hoá đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

#### **❷ Chi phí bán hàng:**

Chi phí bán hàng là toàn bộ các chi phí có liên quan đến việc tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá của doanh nghiệp, bao gồm: chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển, chi phí chào hàng, giới thiệu, quảng cáo...

#### **❸ Chi phí quản lý doanh nghiệp:**

Chi phí quản lý doanh nghiệp là các chi phí liên quan tới toàn bộ hoạt động quản lý điều hành chung của doanh nghiệp, bao gồm: chi phí tiền lương nhân viên QLDN, chi phí vật liệu văn phòng, tiền thuê đất...

#### **❹ Chi phí hoạt động tài chính:**

Chi phí hoạt động tài chính là những chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp như: chi phí tiền lãi vay, chi phí góp vốn liên doanh, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán...

#### **❺ Chi phí khác:**

Chi phí khác là những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra, cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót từ những năm trước.

***Nội dung chi phí khác bao gồm:***

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán (nếu có)
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế
- Bị phạt thuế, truy nộp thuế
- Các khoản chi phí do kế toán bị nhầm, hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán
- Các khoản chi phí khác

**⑥ *Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp***

Thuế thu nhập doanh nghiệp là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp

Thu nhập chịu thuế bao gồm: Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hoá, dịch vụ, thu nhập hoạt động tài chính và thu nhập khác.

***1.1.4. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp***

***Kết quả kinh doanh*** là chỉ tiêu hiệu quả kinh doanh của Công ty. Kết quả kinh doanh được xác định là chênh lệch giữa doanh thu, thu nhập và các khoản chi phí trong kỳ. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

**① *Kết quả sản xuất kinh doanh:***

Kết quả sản xuất kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và giá trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí QLDN

**② *Kết quả hoạt động tài chính:***

Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính

**③ *Kết quả hoạt động khác:***

Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và khoản chi phí khác

***1.1.5. Ý nghĩa và tác dụng của việc xác định kết quả kinh doanh***



- Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, các doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển đều phải hoạt động theo nguyên tắc “Lấy thu bù chi và có lãi”. Lãi là chỉ tiêu chất lượng tổng hợp quan trọng của doanh nghiệp, nó thể hiện kết quả kinh doanh và chất lượng hoạt động của doanh nghiệp. Xác định kết quả kinh doanh và việc so sánh doanh thu thu được với chi phí đã bỏ ra phục vụ cho sản xuất kinh doanh. Nếu doanh thu lớn hơn chi phí thì doanh nghiệp có lãi, ngược lại doanh nghiệp sẽ lỗ. Việc xác định kết quả kinh doanh được thực hiện vào cuối kỳ kinh doanh thường là cuối tháng, cuối quý, cuối năm, tùy thuộc vào đặc điểm kinh doanh và yêu cầu quản lý của doanh nghiệp

- Kết quả kinh doanh là mục đích cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp, là chỉ tiêu quan trọng không chỉ cần thiết cho doanh nghiệp mà còn cần thiết cho các đối tượng khác quan tâm.

- Với việc xác định kết quả kinh doanh là cơ sở xác định các chỉ tiêu kinh tế tài chính, đánh giá tình hình doanh nghiệp, xác định số vòng luân chuyển vốn, tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu... Ngoài ra còn là cơ sở xác định nghĩa vụ đối với Nhà nước, xác định cơ cấu phân chia và sử dụng hợp lý, hiệu quả số lợi nhuận thu được, giải quyết hài hoà giữa các lợi ích tập thể, cá nhân người lao động.

- Như vậy, việc xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa sống còn với doanh nghiệp tránh hiện tượng “lãi giả, lỗ thật”. Hơn nữa nó còn có ý nghĩa với toàn bộ nền kinh tế quốc dân, giúp nhà hoạch định chính sách có thể tổng hợp phân tích số liệu, đưa ra các thông tin cần thiết giúp Chính phủ có thể điều tiết nền kinh tế ở tầm vĩ mô được tốt hơn, tạo nguồn thu cho ngân sách Nhà nước, thúc đẩy sự phát triển của toàn bộ nền kinh tế.

## **1.2. Vai trò và nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp**

### ***1.2.1. Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh***

- Doanh thu có ý nghĩa rất lớn đối với toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp. Trước hết doanh thu là nguồn tài chính quan trọng để đảm bảo trang trải các khoản chi phí hoạt động kinh doanh, đảm bảo cho doanh nghiệp có thể tái sản xuất giản đơn cũng như tái sản xuất mở rộng, là nguồn để các doanh nghiệp có thể thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước như nộp các khoản thuế theo quy định, là nguồn có thể tham gia góp vốn cổ phần, tham gia liên doanh, liên kết với các đơn vị khác. Trường hợp doanh thu không đảm bảo các khoản chi phí đã bỏ ra, doanh nghiệp sẽ gặp khó khăn về tài chính. Nếu tình trạng này kéo dài sẽ làm cho doanh nghiệp không đủ sức cạnh tranh trên thị trường và tất yếu sẽ đi tới phá sản.

- Để thực hiện quá trình bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh nghiệp phải chi ra các khoản chi phí. Đó là tổng giá trị làm giảm lợi ích kinh tế trong thời kỳ dưới hình thức các khoản phát sinh, các khoản nợ làm giảm vốn chủ sở hữu.

- Kế toán xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp có ý nghĩa rất quan trọng trong sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp nói chung trong việc xác định khối lượng hàng hoá tiêu thụ thực tế và chi phí tiêu thụ thực tế trong kỳ nói riêng của doanh nghiệp. Xác định đúng kết quả cho doanh nghiệp biết được tình hình sản xuất kinh doanh của mình trong kỳ, biết được xu hướng phát triển của doanh nghiệp từ đó doanh nghiệp sẽ đưa ra các chiến lược sản xuất kinh doanh cụ thể trong các chu kỳ sản xuất kinh doanh tiếp theo. Mặt khác, việc xác định này còn là cơ sở để tiến hành hoạt động phân phối kết quả kinh doanh cho từng bộ phận của doanh nghiệp. Do đó đòi hỏi kế toán trong doanh nghiệp phải xác định và phản ánh một cách đúng đắn kết quả kinh doanh của doanh nghiệp mình.

### ***1.2.2. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh***

Để phát huy được vai trò thực sự của kế toán là công cụ quản lý kinh tế ở doanh nghiệp thì kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh chủ yếu thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình hiện có và tình hình biến động của từng loại sản phẩm, hàng hoá theo chỉ tiêu số lượng, chất lượng, chủng loại và giá trị.

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu, chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp, đồng thời theo dõi đơn độc các khoản phải thu của khách hàng.

- Phản ánh và đánh giá chính xác kết quả từng hoạt động, quan sát tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước và tình hình phân phối các hoạt động.

- Cung cấp các thông tin kế toán cần thiết phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính và định kỳ phân tích tình hình hoạt động kinh tế liên quan đến quá trình bán hàng, xác định và phân phối kết quả kinh doanh.

**1.3. Tổ chức hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.**

***1.3.1. Kế toán giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp***

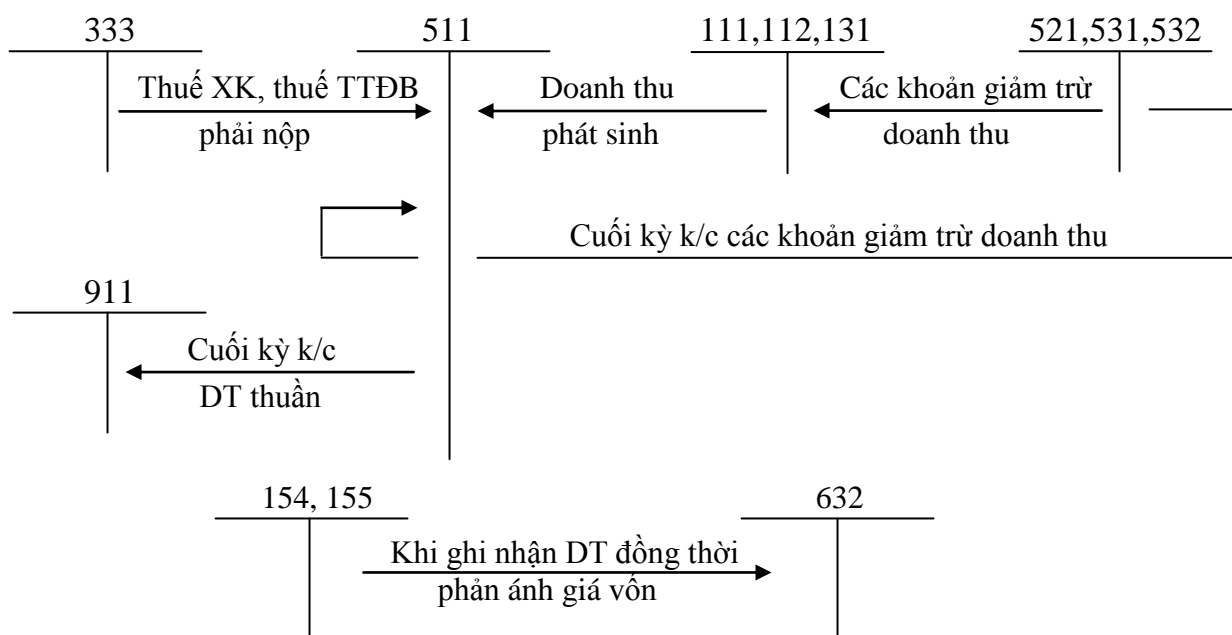
***1.3.1.1. Các phương thức bán hàng***

***Phương thức tiêu thụ*** là các phương thức bán hàng và thanh toán tiền hàng. Trên thực tế hàng hoá có thể tiêu thụ bằng cách bán buôn (qua kho, chuyển hàng, vận chuyển thẳng) hay bán lẻ, bán trả góp hoặc ký gửi, đại lý. Mỗi phương thức tiêu thụ khác nhau sẽ không giống nhau về cách thức, địa điểm giao hàng, chi phí bán hàng. Doanh nghiệp có thể áp dụng một trong các phương thức tiêu thụ sau:

***a/ Tiêu thụ theo phương thức trực tiếp:***

Theo phương thức này, khi bán hàng, giao hàng cho người mua tại quầy hoặc phân xưởng sản xuất đồng thời phải viết hóa đơn bán hàng cho người mua thì hàng chính thức được coi là tiêu thụ.

**Biểu 1.1: Sơ đồ kế toán bán hàng theo phương thức trực tiếp**



(Nguồn: Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ)

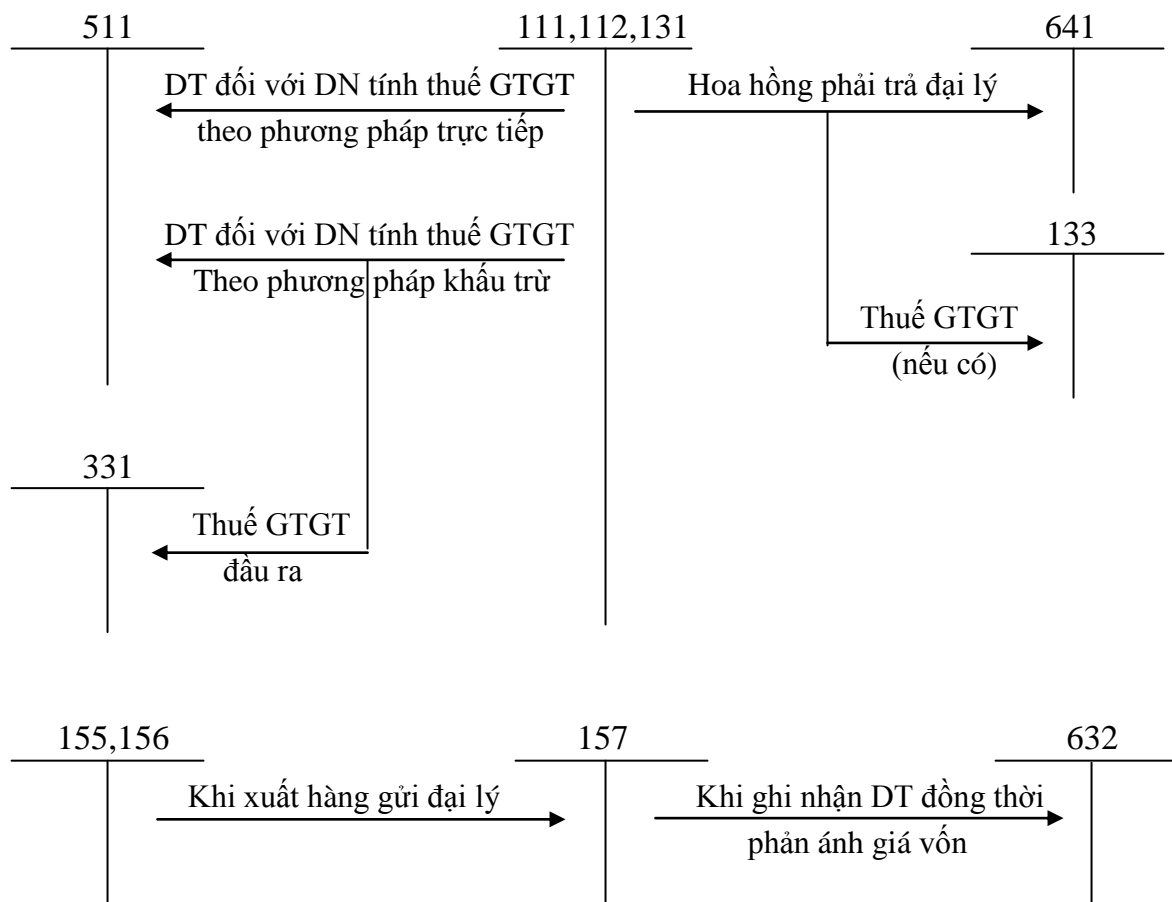
**b/ Tiêu thụ theo phương thức chuyển hàng chờ chấp nhận**

Theo phương thức này, bên bán chuyển hàng cho bên mua theo địa điểm ghi trong hợp đồng, số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên bán. Chỉ khi nào được người mua chấp nhận thanh toán một phần hay toàn bộ số hàng chuyển giao, thì lượng hàng được người mua chấp nhận mới được coi là tiêu thụ và bên bán mất quyền sở hữu.

**c/ Tiêu thụ theo phương thức đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng**

Theo phương thức này, số hàng gửi đại lý vẫn thuộc sở hữu của doanh nghiệp cho đến khi chính thức tiêu thụ. Về cơ bản, kế toán ghi các bút toán tương tự như tiêu thụ theo phương thức chuyển hàng chờ chấp nhận.

***Biểu 1.2: Sơ đồ kế toán bán hàng theo phương thức bán hàng đại lý***



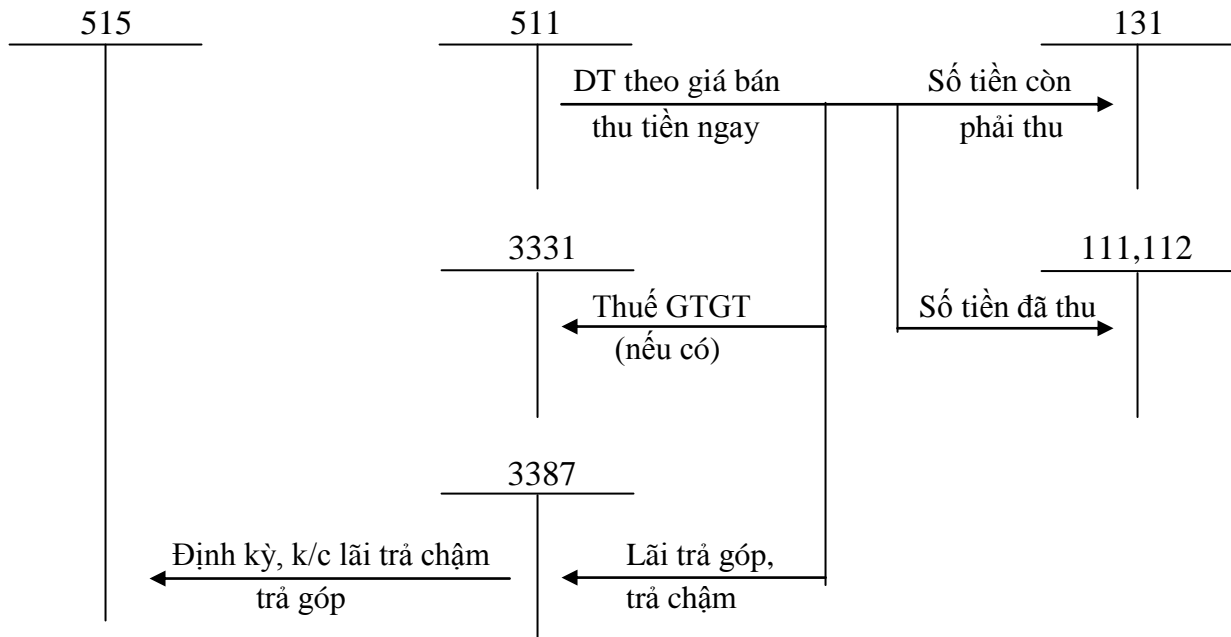
(Nguồn: Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ)

***d/ Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp***

Đây là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần. Người mua sẽ thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua. Số tiền còn lại người mua chấp nhận trả tiếp và phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định. Thông thường số tiền phải trả ở kỳ tiếp sau bằng nhau, trong đó bao gồm một phần doanh thu gốc và một phần lãi trả chậm.

Về thực chất, chỉ khi nào người mua thanh toán hết tiền hàng thì doanh nghiệp mới mất quyền sở hữu. Tuy nhiên về mặt hạch toán, khi bán hàng trả chậm, trả góp giao cho người mua thì lượng hàng chuyển giao được coi là tiêu thụ.

**Biểu 1.3: Sơ đồ kế toán theo phương thức bán hàng trả chậm trả góp**



(Nguồn: Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ)

**e/ Phương thức tiêu thụ nội bộ**

Theo phương thức này, các cơ sở sản xuất kinh doanh khi xuất hàng hoá đơn chuyển cho các cơ sở hạch toán phụ thuộc như các chi nhánh, các cửa hàng... ở các địa phương để bán hoặc xuất điều chuyển giữa các chi nhánh, các đơn vị phụ thuộc nhau, xuất trả hàng từ các đơn vị hạch toán phụ thuộc về cơ sở sản xuất kinh doanh

**1.3.1.2. Các phương thức xác định giá vốn trong doanh nghiệp**

**a/ Phương pháp bình quân gia quyền:**

Khi sử dụng giá đơn vị bình quân có thể sử dụng dưới 2 dạng:

**❶ Giá đơn vị bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ:**

$\text{Giá đơn vị bq cả kỳ dự trữ} = \frac{\text{Giá trị thực tế HTK đầu kỳ và nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng thực tế tồn đầu kỳ và nhập trong kỳ}}$
---

Giá đơn vị bình quân cả kỳ dự trữ được xác định sau khi kết thúc kỳ hạch toán (tháng, quý, năm) nên có thể ảnh hưởng đến công tác quyết toán. Tuy nhiên cách này đơn giản, ít tốn công sức.

**② Giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập:**

Phương pháp này vừa bảo đảm tính kịp thời của số liệu kế toán vừa phản ánh được tình hình biến động của giá cả. Tuy nhiên, khối lượng tính toán lớn, sau mỗi lần nhập kế toán lại phải tiến hành tính toán lại giá bình quân

Giá đơn vị bq sau mỗi lần nhập	=	$\frac{\text{Giá trị thực tế HTK sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng hàng thực tế tồn kho sau mỗi lần nhập}}$
-----------------------------------	---	---

***b/ Phương pháp đích danh:***

Phương pháp đích danh được sử dụng với các mặt hàng có giá trị cao và có tính tách biệt như: vàng, bạc, kim loại quý... theo phương pháp này hàng được xác định giá trị theo đơn chiếc hay từng lô và giữ nguyên từ lúc nhập vào cho đến khi xuất dùng. Khi xuất hàng nào sẽ xác định theo giá thực tế đích danh của hàng đó.

***c/ Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO):***

Theo phương pháp này, giả định rằng lượng hàng tồn kho nào có trước sẽ được xuất sử dụng trước. Giá đơn vị của lượng hàng tồn kho nhập đầu tiên sẽ được dùng để tính giá hàng tồn kho xuất, nếu lượng hàng tồn kho của lần nhập đó không đủ để xuất thì tính theo giá của lần nhập tiếp theo. Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ sẽ là giá của những lần nhập kho sau cùng.

***d/ Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO):***

Phương pháp này giả định hàng mua sau cùng sẽ được xuất đầu tiên, ngược lại với phương pháp nhập trước xuất trước ở trên.

***1.3.1.3. Chứng từ và tài khoản sử dụng***

***a/ Chứng từ sử dụng:***

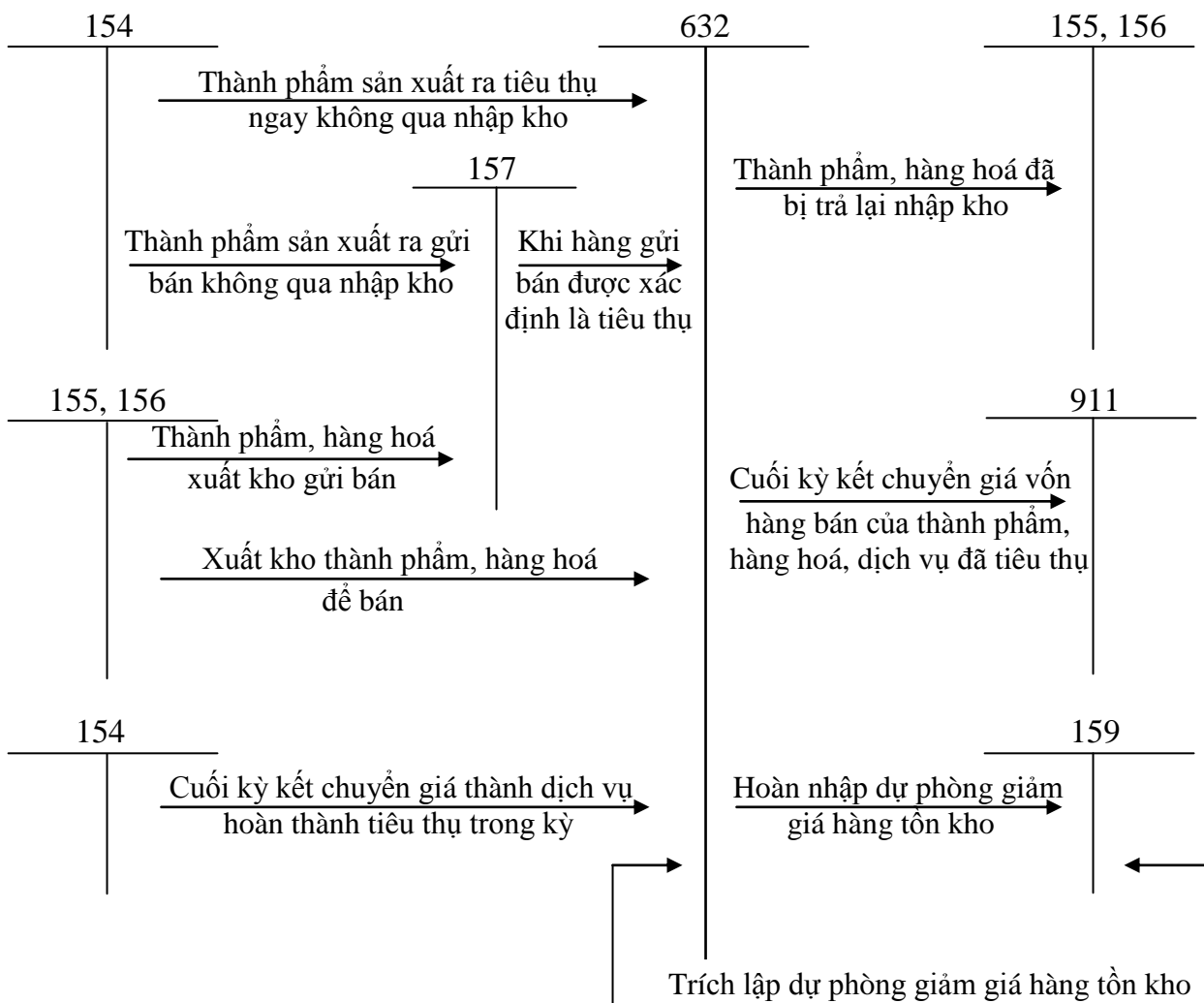
- Hoá đơn GTGT
- Hoá đơn bán hàng
- Phiếu xuất kho
- Báo cáo bán hàng

- Bảng kê bán lẻ hàng hoá, dịch vụ
- Các chứng từ khác liên quan (nếu có)

**b/ Tài khoản kế toán sử dụng**

Đề hạch toán giá vốn hàng bán kế toán sử dụng TK 632 - “Giá vốn hàng bán”

**Biểu 1.4: Sơ đồ kế toán giá vốn hàng bán**



(Nguồn: Chế độ kế toán doanh nghiệp - Quyển 2)

**1.3.2. Kế toán doanh thu bán hàng và các khoản giảm trừ doanh thu**

**1.3.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

**a/ Chứng từ sử dụng:**

- Hoá đơn GTGT (Mẫu 01 - GTKT - 3LL)



- Hoá đơn bán hàng thông thường (02 - GTTT - 3LL)
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ (Mẫu 03 PXX - 3LL)
- Phiếu thu (Mẫu 01 - TT)
- Biên lai thu tiền (Mẫu 06 - TT)

***b/ Tài khoản sử dụng:***

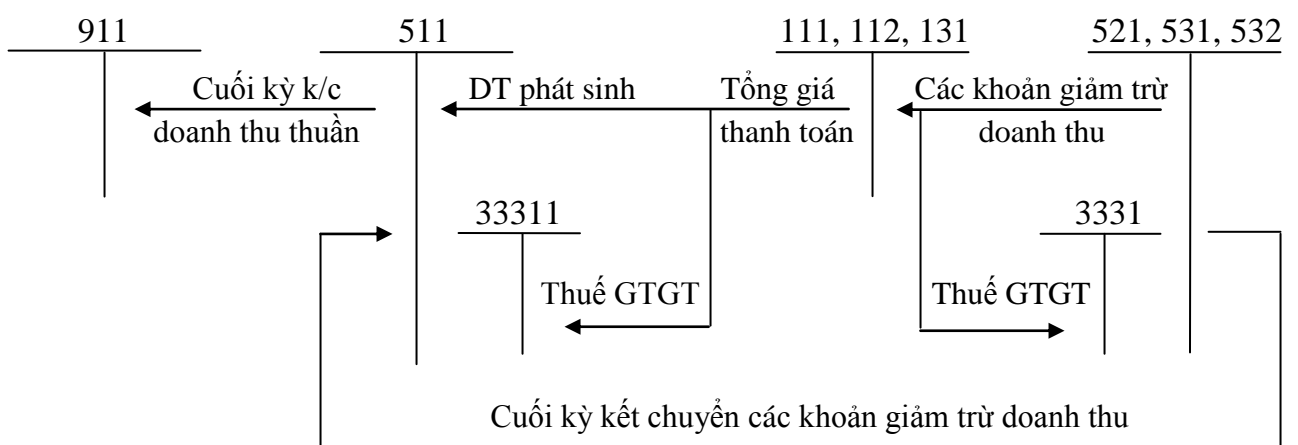
➤ ***TK 511: “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”***. TK này gồm 5 TK cấp 2:

- TK 5111: “Doanh thu bán hàng hóa” sử dụng trong DNTM
- TK 5112: “Doanh thu bán thành phẩm” sử dụng trong DNSX
- TK 5113: “Doanh thu cung cấp dịch vụ” sử dụng trong các ngành kinh doanh dịch vụ (vận tải, du lịch, dịch vụ kiểm toán...)
- TK 5114: “Doanh thu trợ cấp, trợ giá” là khoản trợ cấp của Nhà nước cho doanh nghiệp khi doanh nghiệp cung cấp hàng hoá, dịch vụ theo yêu cầu của Nhà nước.
- TK 5117: “Doanh thu kinh doanh bất động sản” dùng để phản ánh doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư và doanh thu bán, thanh lý bất động sản đầu tư

TK 511 cuối kỳ không có số dư

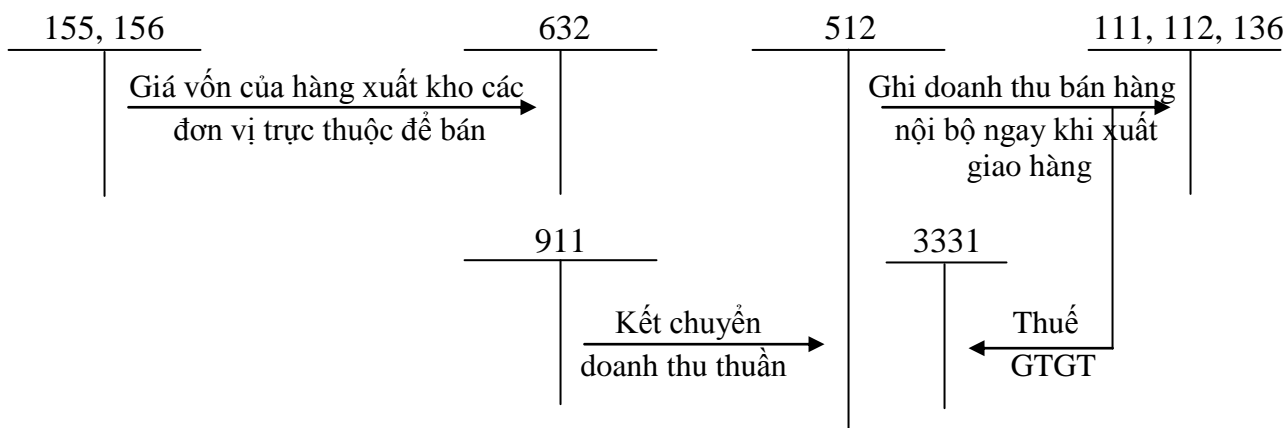
➤ ***TK 512: “Doanh thu tiêu thụ nội bộ”***: Tương tự TK 511

***Biểu 1.5: Sơ đồ kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ***



(Nguồn: Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ)

**Biểu 1.6: Sơ đồ kế toán doanh thu bán hàng nội bộ chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ**



( Nguồn: Chế độ kế toán doanh nghiệp - Quyển 2)

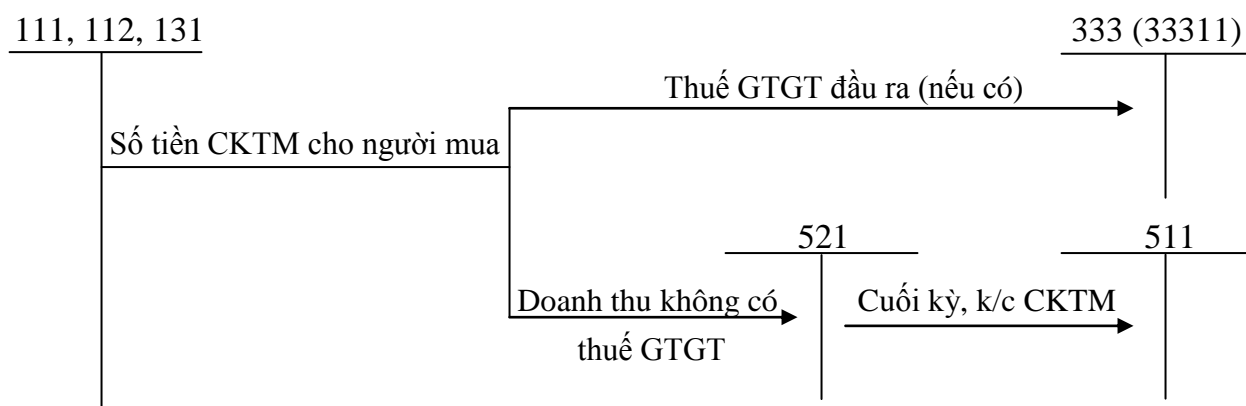
**1.3.2.2.. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: Chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán, thuế TTĐB, thuế xuất khẩu, thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

**Tài khoản sử dụng:**

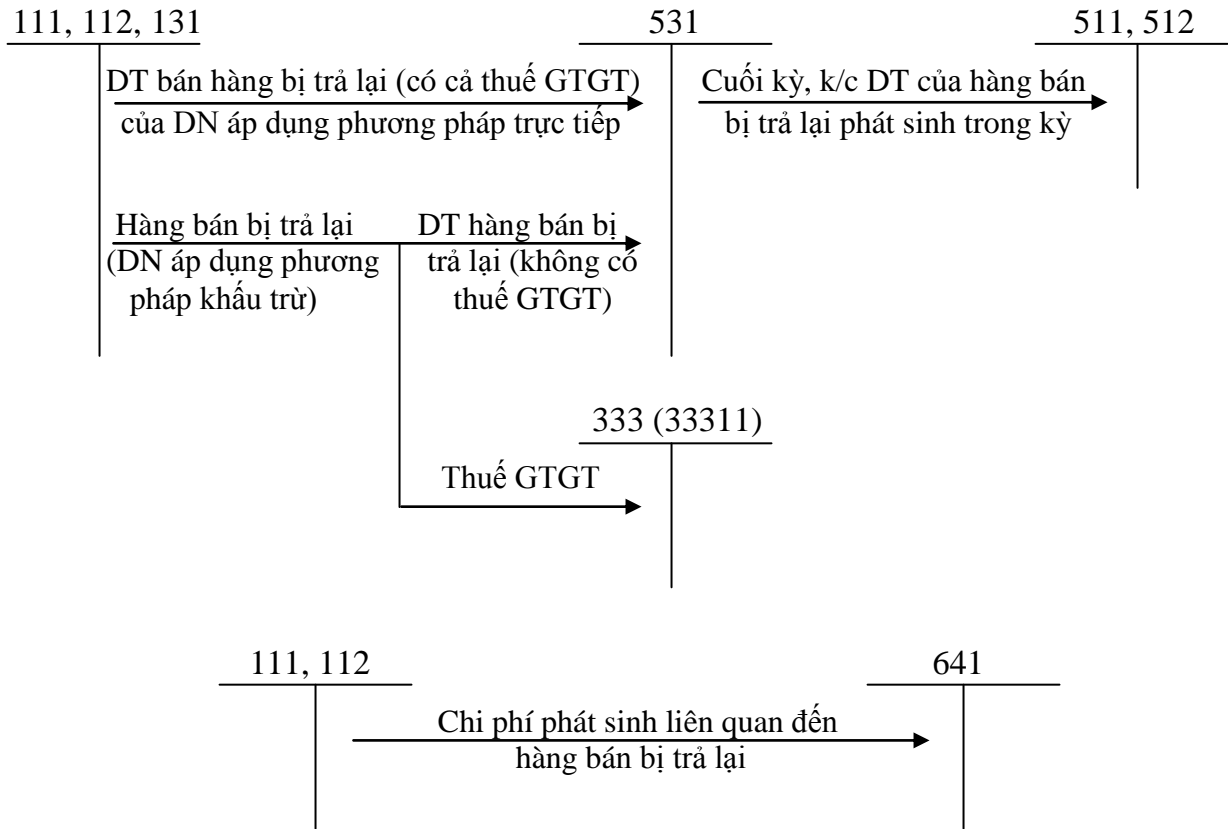
- TK 521: “Chiết khấu thương mại”
- TK 531: “Hàng bán bị trả lại”
- TK 532: “Giảm giá hàng bán

**Biểu 1.7: Sơ đồ kế toán chiết khấu thương mại (DN áp dụng phương pháp khấu trừ)**



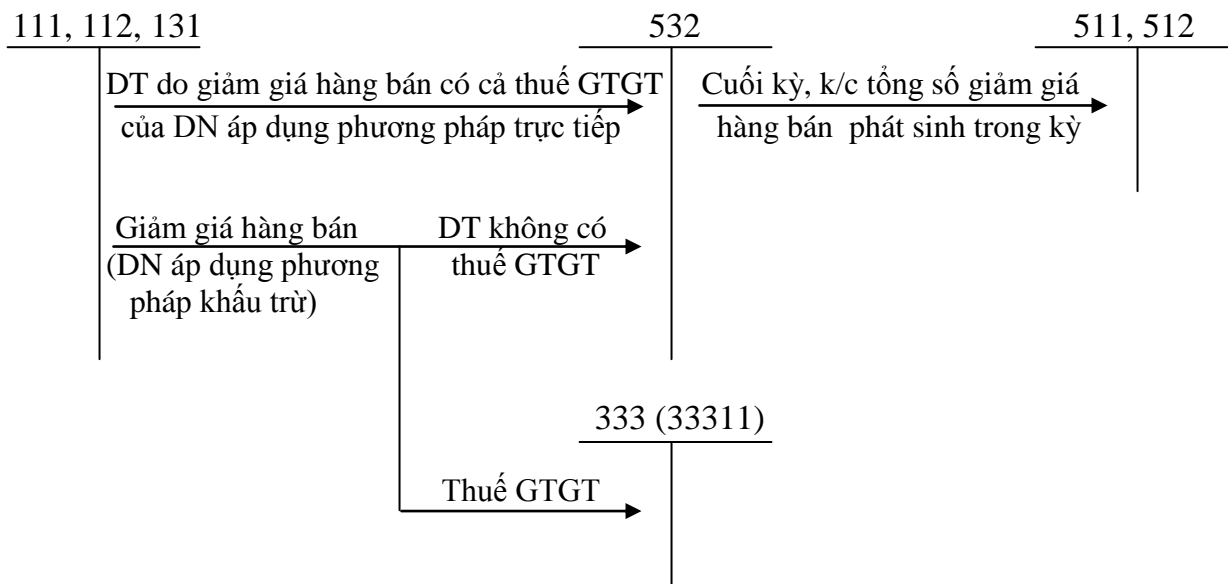
(Nguồn: Chế độ kế toán doanh nghiệp - Quyển 2)

**Biểu 1.8: Sơ đồ kế toán hàng bán bị trả lại**



(Nguồn: Chế độ kế toán doanh nghiệp - Quyển 2)

**Biểu 1.9: Sơ đồ kế toán giảm giá hàng bán**



*(Nguồn: Chế độ kế toán doanh nghiệp - Quyển 2)*

### **1.3.3. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

#### **1.3.3.1. Chứng từ sử dụng:**

- Bảng phân bổ tiền lương và Bảo hiểm xã hội (Mẫu số 11 - LĐTL)
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06 - TSCĐ)
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ (Mẫu số 07 - VT)
- Hoá đơn GTGT (Mẫu số 01 - GTKT - 3LL)
- Phiếu chi (Mẫu số 02 - TT)
- Các chứng từ khác liên quan (nếu có)

#### **1.3.3.2. Tài khoản kế toán sử dụng:**

**a/ TK 641: “Chi phí bán hàng”,** TK này có 7 TK cấp 2:

- TK 6411: Chi phí nhân viên
- TK 6412: Chi phí vật liệu, bao bì
- TK 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- TK 6414: Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6415: Chi phí bảo hành
- TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6418: Chi phí bằng tiền khác

**TK 641 không có số dư cuối kỳ**

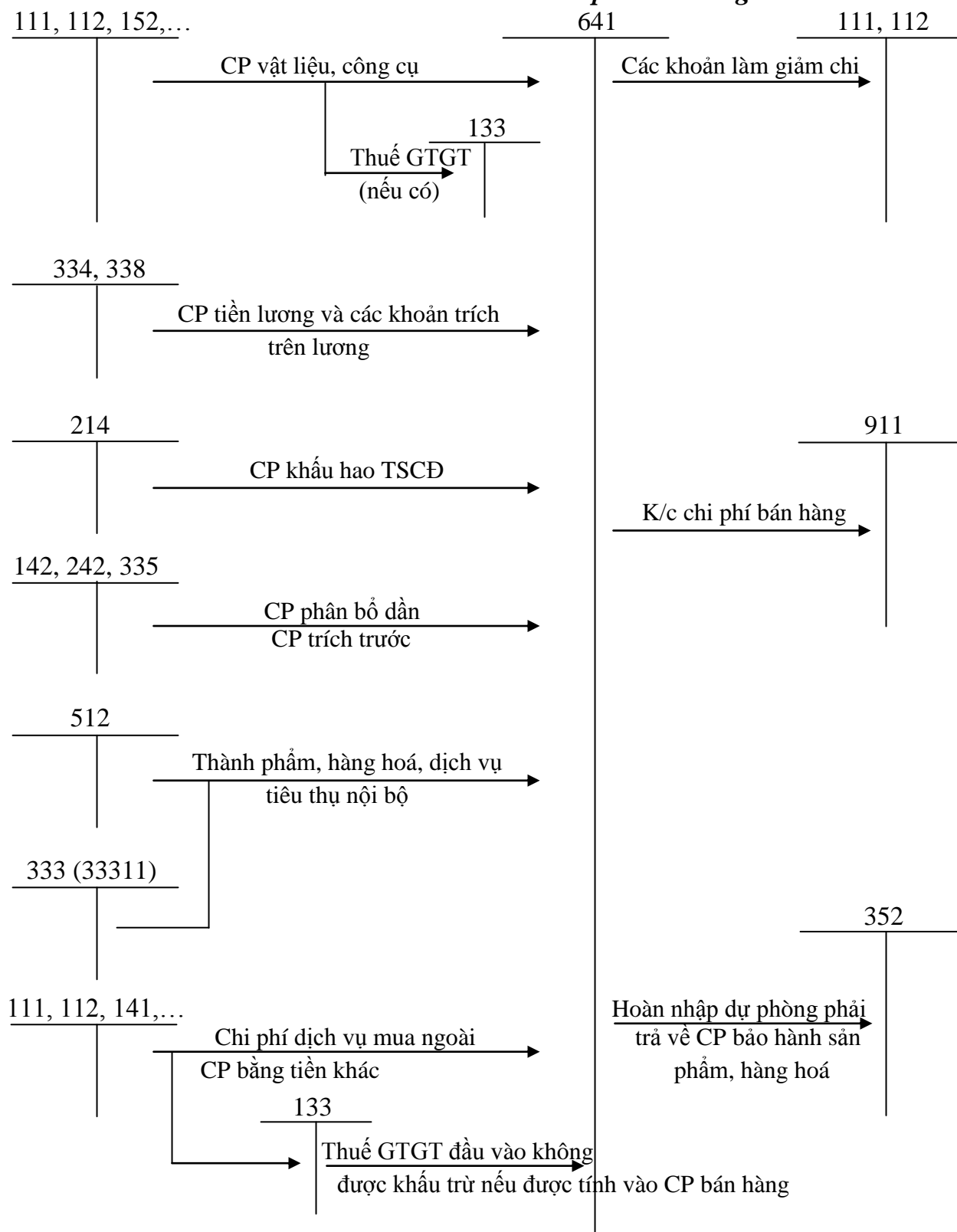
**b/ TK 642: “Chi phí quản lý doanh nghiệp”,** TK này có 8 TK cấp 2:

- TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý
- TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý
- TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng
- TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6425: Thuế, phí và lệ phí
- TK 6426: Chi phí dự phòng
- TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài

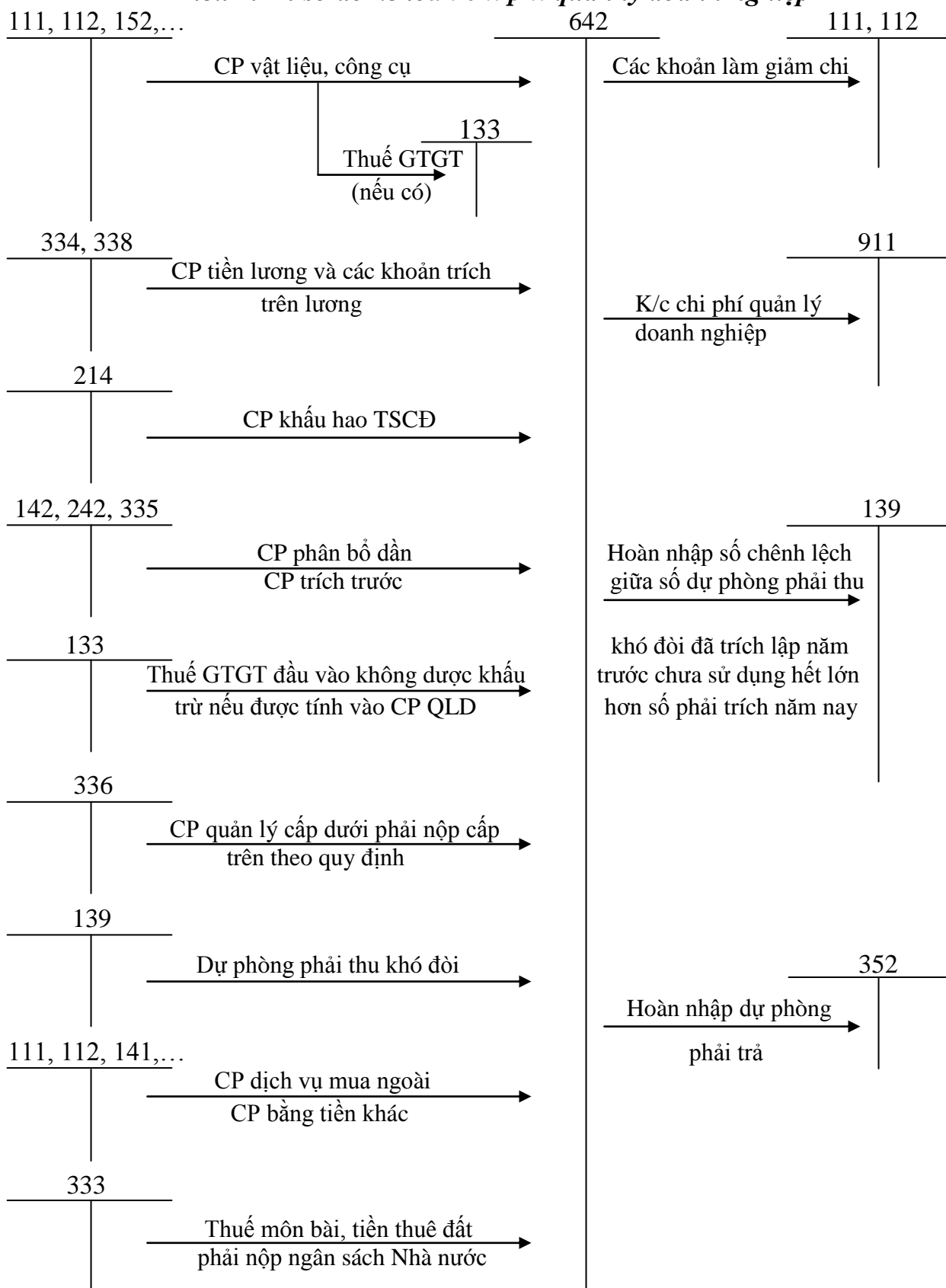
- TK 6428: Chi phí bằng tiền khác

**TK 642 không có số dư cuối kỳ**

**Biểu 1.10: Sơ đồ kế toán chi phí bán hàng**



( Nguồn: Chế độ kế toán doanh nghiệp - Quyển 2)  
**Biểu 1.11: sơ đồ kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp**



*(Nguồn: Chế độ kế toán doanh nghiệp - Quyển 2)*

**1.3.4. Kế toán hoạt động tài chính**

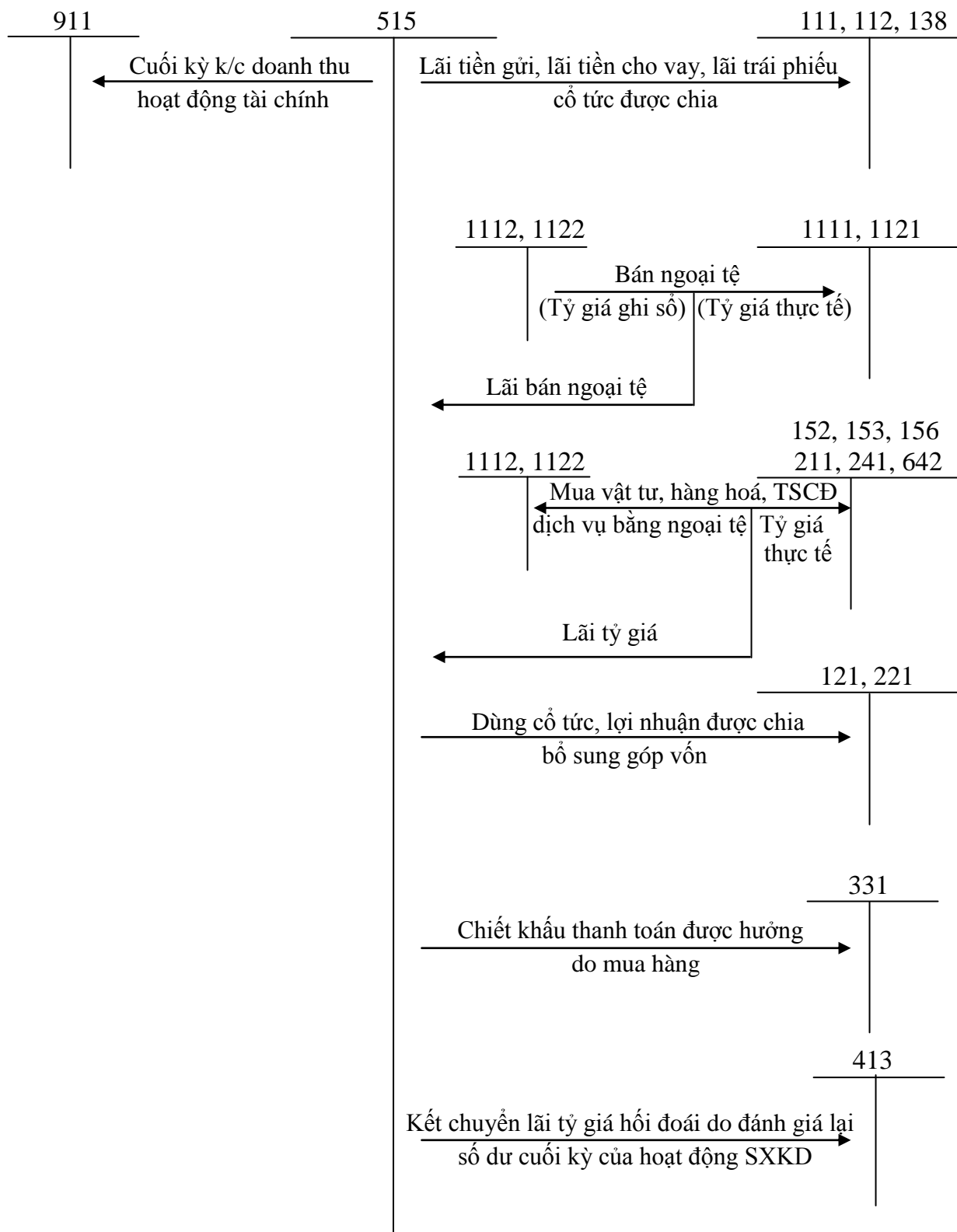
**a/ Chứng từ sử dụng:**

- Giấy báo có của ngân hàng
- Giấy báo nợ của ngân hàng
- Chứng từ khác liên quan (nếu có)

**b/ Tài khoản sử dụng:**

- TK 515: “Doanh thu hoạt động tài chính”
- TK 635: “ Chi phí hoạt động tài chính”

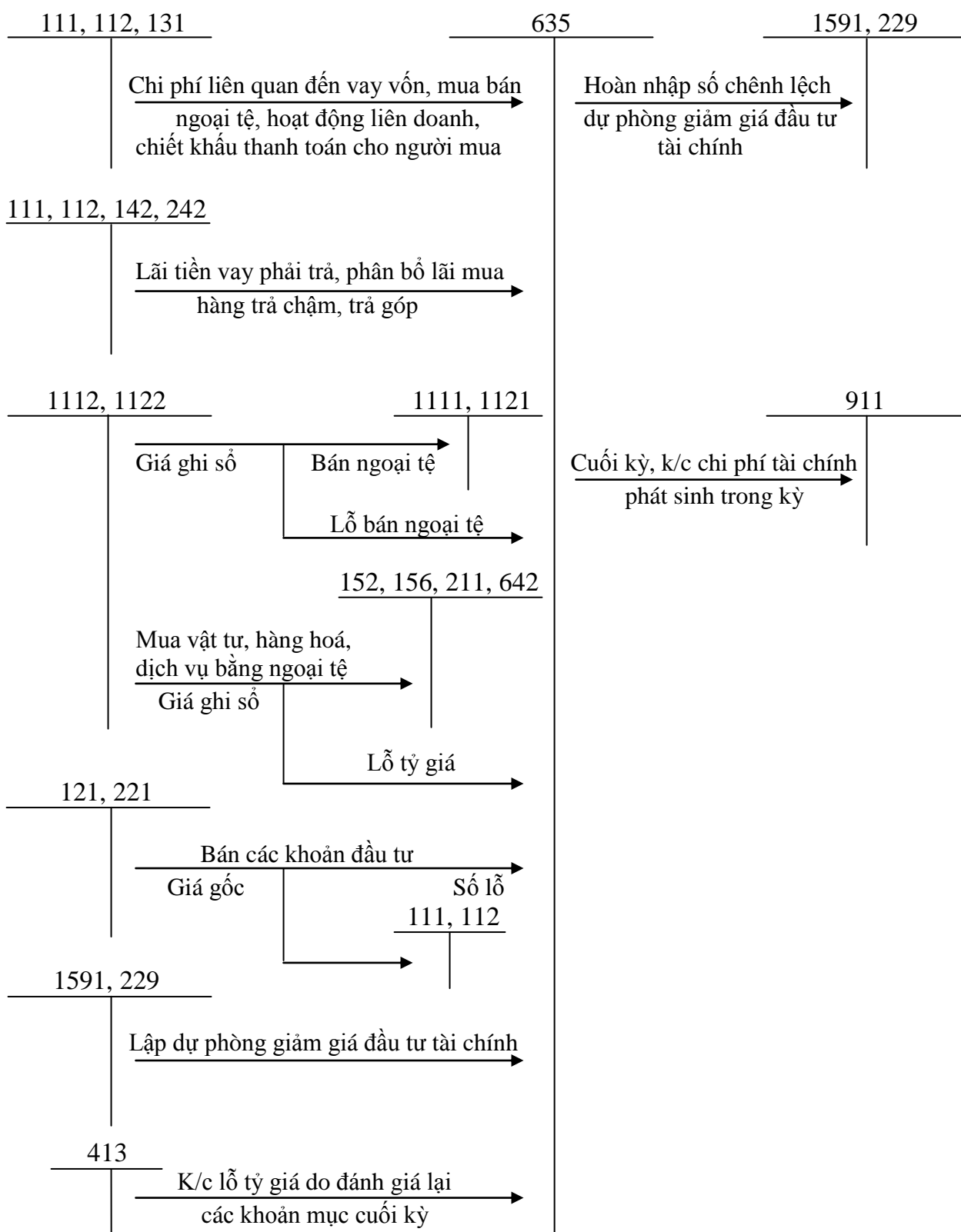
**Biểu 1.12: Sơ đồ kế toán doanh thu hoạt động tài chính**



(Nguồn: Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ)



**Biểu 1.13: Sơ đồ kế toán chi phí tài chính**



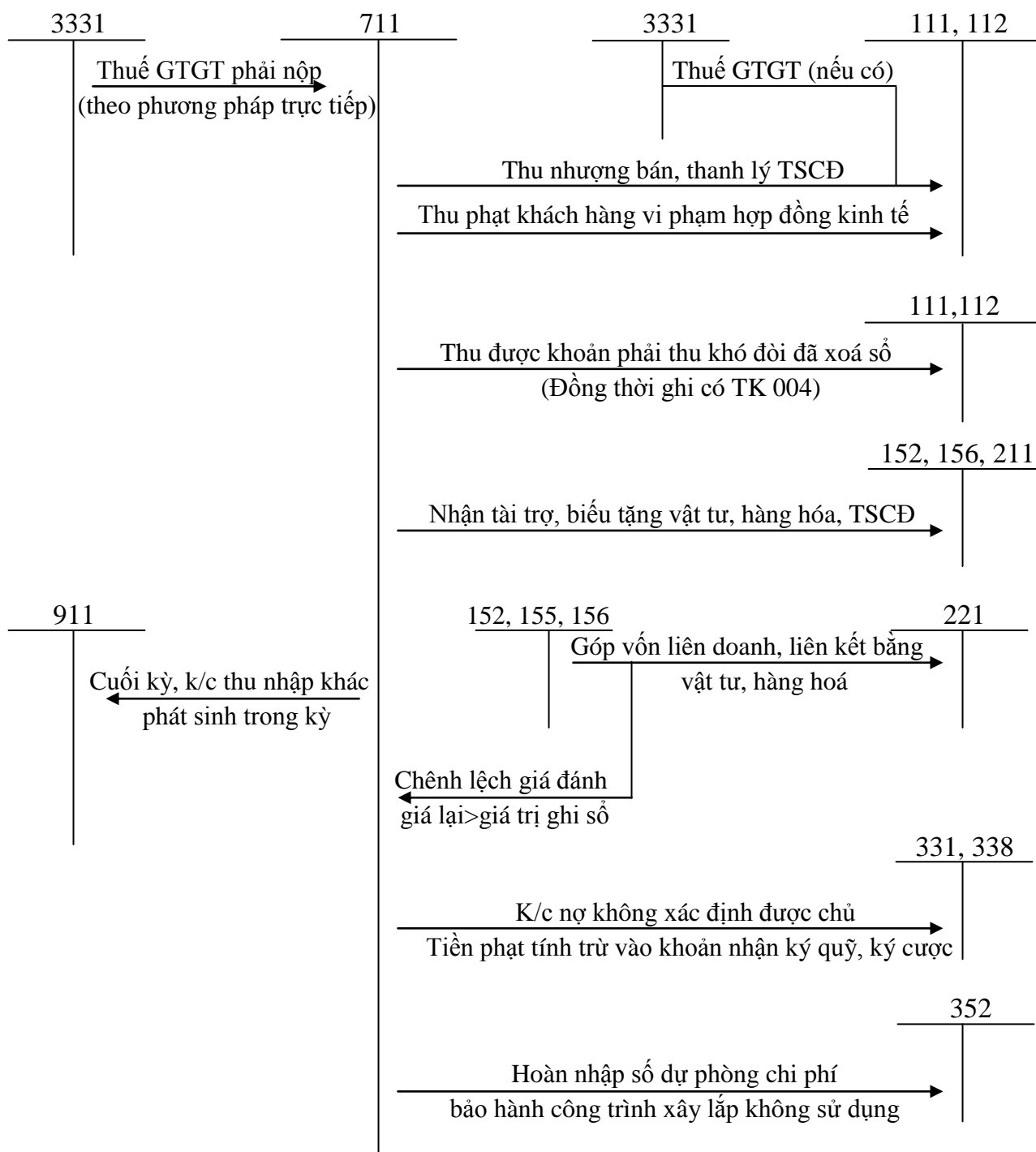
(Nguồn: Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ)

### 1.3.5. Kế toán hoạt động khác

#### TK sử dụng:

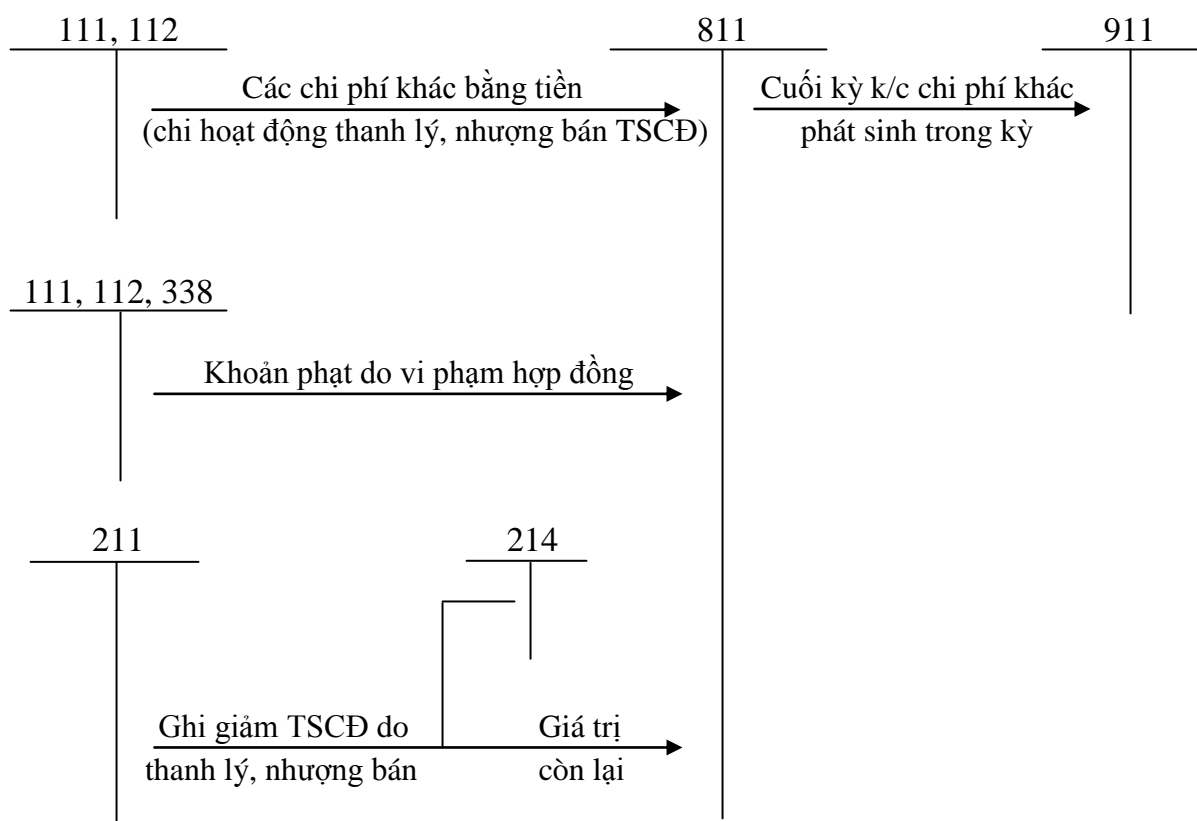
- TK 711: “Thu nhập khác”
- TK 811: “Chi phí khác”

**Biểu 1.14: Sơ đồ kế toán thu nhập khác**



(Nguồn: Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ)

**Biểu 1.15: Sơ đồ kế toán chi phí khác**



(Nguồn: Chế độ doanh nghiệp vừa và nhỏ)

### 1.3.6..Kế toán chi phí thuế TNDN

#### a/ TK sử dụng:

TK 821: “Chi phí thuế TNDN”: TK này dùng để phản ánh chi phí thuế TNDN phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính.

#### b/ Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 821:

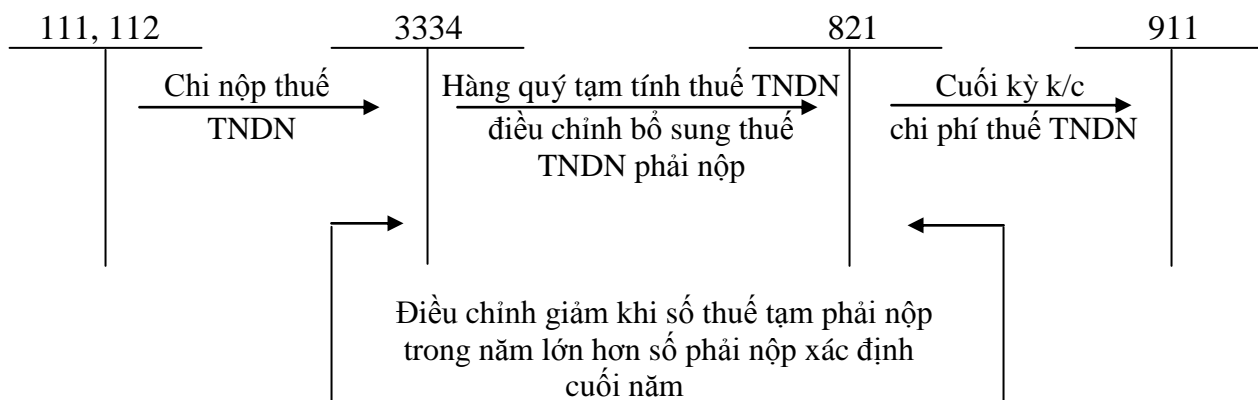
##### ➤ Bên Nợ:

- Chi phí thuế TNDN phát sinh trong năm
- Chi phí thuế TNDN của các năm trước phải bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của năm trước được ghi tăng chi phí thuế TNDN của năm hiện tại

➤ **Bên Có:**

- Chi phí thuế TNDN được điều chỉnh giảm do số đã ghi nhận trong năm lớn hơn số phải nộp theo số quyết toán thuế TNDN năm
- Chi phí thuế TNDN được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của năm trước
- Kết chuyển chi phí thuế TNDN vào bên Nợ TK 911-“Xác định kết quả kinh doanh” TK 821 không có số dư cuối kỳ

**Biểu 1.16: Sơ đồ kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**



(Nguồn: Chế độ doanh nghiệp vừa và nhỏ)

### 1.3.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

#### 1.3.6.1. Nội dung, yêu cầu của việc xác định kết quả kinh doanh

Nhận biết tầm quan trọng của việc **xác định kết quả kinh doanh** đòi hỏi kế toán xác định kết quả kinh doanh phải thực hiện những nhiệm vụ sau:

- Ghi chép chính xác các chi phí phát sinh trong kỳ, phân bổ cho đúng đối tượng chịu chi phí.
- Cung cấp thông tin chính xác, kịp thời và chi tiết về kết quả hoạt động kinh doanh giúp lãnh đạo quản lý, điều hành, xây dựng chiến lược kinh doanh, giúp cơ quan thuế kiểm tra tình hình nộp thuế TNDN.
- Thông qua ghi chép kế toán kết quả hoạt động kinh doanh kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch lợi nhuận từ hoạt động kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

### **1.3.6.2. Phương pháp kế toán xác định kết quả kinh doanh**

#### **a/ TK sử dụng:**

TK 911: “Xác định kết quả kinh doanh”-TK này sử dụng để xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

TK 421: “Lợi nhuận chưa phân phối”-TK này phản ánh hoạt động kinh doanh và tình hình phương pháp xử lý kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

#### **b/ Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 911:**

##### **➤ Bên Nợ:**

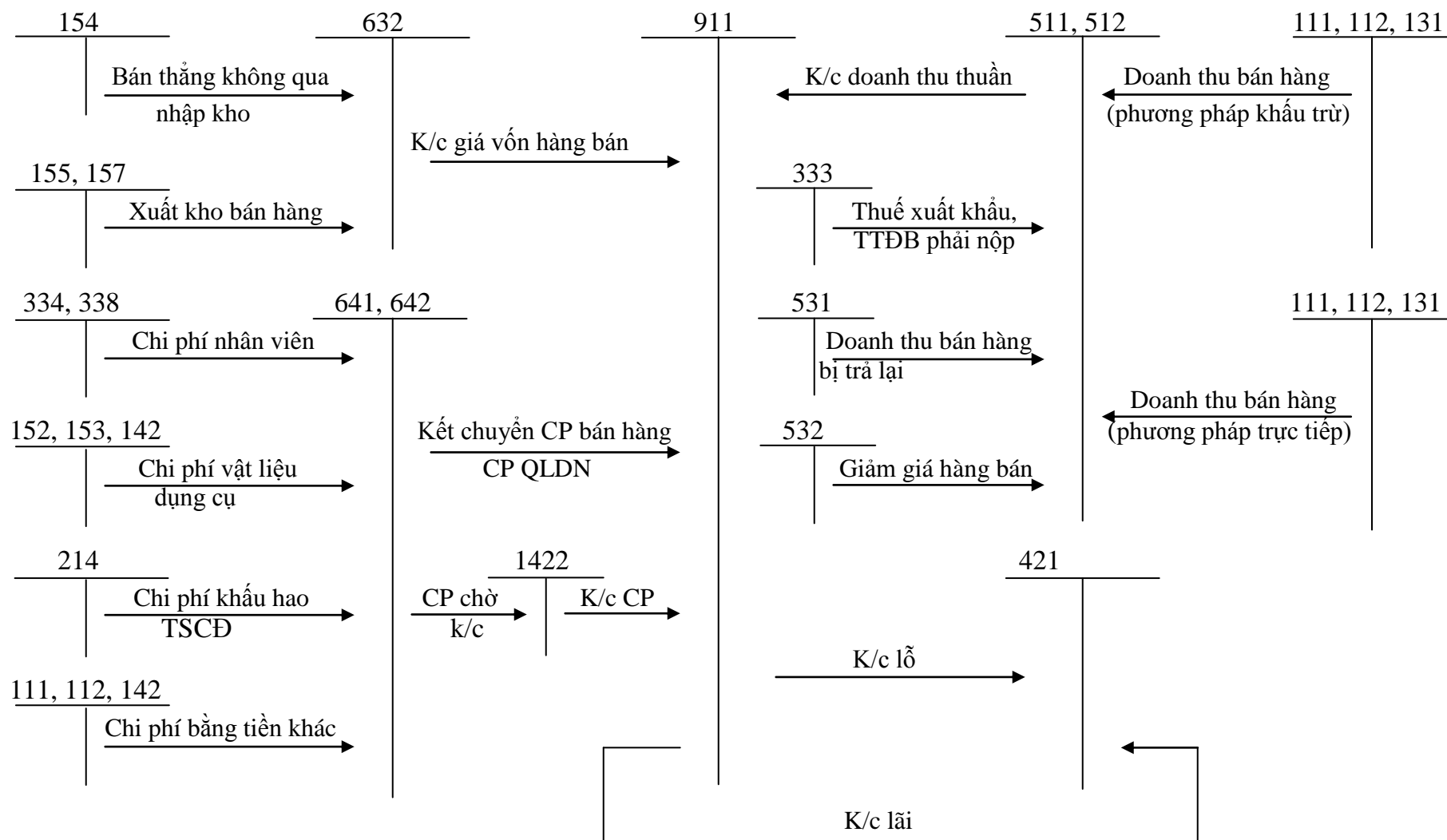
- Giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư đã bán và dịch vụ đã cung cấp
- Chi phí hoạt động tài chính
- Chi phí bán hàng
- Chi phí quản lý doanh nghiệp
- Chi phí thuế TNDN
- Kết chuyển lãi

##### **➤ Bên Có:**

- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ
- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác
- Kết chuyển lỗ

TK 911 không có số dư cuối kỳ.

**Biểu 1.17: Sơ đồ kế toán kết chuyển chi phí xác định kết quả kinh doanh**



#### **1.4. Hệ thống sổ kế toán và hình thức kế toán áp dụng tại các doanh nghiệp**

Doanh nghiệp phải căn cứ vào quy mô, đặc điểm sản xuất kinh doanh, yêu cầu quản lý, trình độ nghiệp vụ của cán bộ kế toán, điều kiện trang thiết bị kỹ thuật tính toán lựa chọn một hình thức phù hợp và phải tuân thủ theo đúng quy định của hình thức sổ kế toán đó. Doanh nghiệp được áp dụng một trong năm hình thức sổ kế toán sau:

##### ***1.4.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung***

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký chung theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký chung để ghi sổ cái theo từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh

*Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:*

- Sổ Nhật ký chung, sổ Nhật ký đặc biệt
- Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

##### ***1.4.2. Hình thức Nhật ký - sổ cái***

Đặc trưng cơ bản của hình thức Nhật ký - sổ cái: Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là “Nhật ký – Sổ cái”. Căn cứ để ghi vào Nhật ký - sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

*Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái gồm các loại sổ kế toán sau:*

- Nhật ký - sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

##### ***1.4.3. Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ***

- Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.

- Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản).

- Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với kê toán chi tiết trên cùng một sổ kê toán và trong cùng một quá trình ghi chép.

- Sử dụng các mẫu sổ in sẵn có quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính

*Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ gồm các loại sổ kê toán sau:*

- Nhật ký chứng từ

- Các bảng kê

- Sổ cái

- Sổ, thẻ kê toán chi tiết

#### ***1.4.4. Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ***

Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kê toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kê toán tổng hợp bao gồm:

- Ghi theo trình tự thời gian trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ

- Ghi theo nội dung kinh tế trên sổ cái

- Chứng từ ghi sổ được đánh số liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo thứ tự trong sổ đăng ký chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kê toán đính kèm, phải được kê toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kê toán.

Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ gồm có các loại sổ kê toán sau:

- Chứng từ ghi sổ

- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ

- Sổ cái

- Các sổ, thẻ kê toán chi tiết



### ***1.4.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính***

#### ***1.4.5.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính***

Công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán nhưng phải được in đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

#### ***1.4.5.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức trên máy vi tính***

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan

Thực hiện in Báo cáo tài chính theo quy định

Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

**CHƯƠNG II:**  
**THỰC TRẠNG CÔNG TÁC TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU ,**  
**CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI**  
**CÔNG TY TNHH CHỐNG ĂN MÒN HOÀNG LONG**

**2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH chống ăn mòn Hoàng Long**

**2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty TNHH chống ăn mòn Hoàng Long**

*Công ty TNHH chống ăn mòn Hoàng Long* vốn là một đội chống ăn mòn thuộc Công ty LILAMA 45.1. Do nền kinh tế ngày càng phát triển, để đáp ứng nhu cầu chống ăn mòn kim loại ngày càng nhiều hơn nữa cho các Công ty đóng tàu, xi măng... đội đã tách ra và thành lập Công ty với tên gọi Công ty TNHH chống ăn mòn Hoàng Long.

Công ty được UBND Thành phố Hải Phòng cấp giấy thành lập số **0202002803** ngày 07 tháng 07 năm 2005.

**Tên giao dịch:** Công ty TNHH chống ăn mòn Hoàng Long

**Tên quốc tế:** Hoang Long Anti – Corrosion Company Limited.

**Trụ sở:** Số 435 đường 5/3 Hùng Vương - Hồng Bàng - Tp.Hải Phòng

**Điện thoại:** 031.2240021

**Fax:** 031.3798.544

**Tài khoản:** 0031000170958 tại Ngân hàng Ngoại thương - Hồng Bàng – Tp. Hải Phòng (253100118001 tại Ngân hàng TMCP quân đội – Ngô Quyền – Tp. Hải Phòng)

**Mã số thuế:** 0200638336

**Vốn điều lệ:** 1.100.000.000 (Một tỷ một trăm nghìn đồng chẵn)

**2.1.2. Đặc điểm sản xuất của Công ty TNHH chống ăn mòn Hoàng Long.**

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là chống ăn mòn kim loại bằng phương pháp bắn cát, xỉ đồng, phun sơn tôn tàu, thiết bị, kết cấu thép cho các công trình, nhà máy.

### **2.1.3. Những thuận lợi và khó khăn của Công ty trong quá trình hoạt động.**

#### **2.1.3.1. Thuận lợi.**

Chỉ mới thành lập được hơn 3 năm nhưng được sự giúp đỡ, quan tâm của ban ngành Thành phố cũng như sự nhiệt tình của đội ngũ lao động có tay nghề cao, Công ty đã tạo dựng được nhiều uy tín và đáp ứng được yêu cầu cần thiết ngày càng lớn của thị trường trong nước cũng như ngoài nước.

#### **2.1.3.2. Khó khăn.**

Công ty TNHH chống ăn mòn Hoàng Long có quy mô sản xuất kinh doanh và tiềm năng hoạt động còn nhỏ và bị hạn chế về nhiều mặt:

- *Về mặt bằng thi công:* Chủ yếu thi công tại mặt bằng các đối tác hoặc thuê mặt bằng, chi phí thuê cao...

- *Về vốn:* Do vốn ít nên việc mua sắm các thiết bị máy móc hiện đại cũng như các công cụ dụng cụ phục vụ cho quá trình thi công còn nhiều hạn chế, các trang thiết bị đã cũ lạc hậu... đây cũng là lý do làm giảm năng suất lao động của Công ty.

Ngoài ra sự cạnh tranh của các Doanh nghiệp cùng ngành ngày càng gay gắt cũng là một trở ngại lớn đối với Công ty.

### **2.1.4. Những thành tích cơ bản mà Công ty đã đạt được trong những năm qua.**

Công ty đã tham gia thi công nhiều công trình như: nhà máy xi măng Bút Sơn, xi măng Bỉm Sơn, nhà máy nhiệt điện Phả Lại II, nhà máy nhiệt điện Uông Bí mở rộng, nhà máy lọc dầu Dung Quất...

Kết quả đạt được trong những năm 2006, 2007, 2008 như sau:

➤ *Về lao động:* Số lượng tham gia lao động tại Công ty ngày càng tăng. Tính đến tháng 12 năm 2008, tổng số lao động của Công ty là 195 người trong đó hai phần ba số lao động này được học qua lớp chống ăn mòn kim loại do hãng sơn **INTERNATIONAL** đào tạo.

➤ *Về sự biến động của tài sản và nguồn vốn tại Công ty: (ĐVT: Đồng)*

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Năm 2006</b>	<b>Năm 2007</b>	<b>Năm 2008</b>
<b>Tài sản</b>			
A. Tài sản ngắn hạn	1.596.399.032	6.274.776.534	6.092.452.128
B. Tài sản dài hạn	718.607.678	1.293.250.478	1.860.063.236
<b>Tổng tài sản</b>	<b>2.315.006.710</b>	<b>7.568.027.012</b>	<b>7.952.515.364</b>
<b>Nguồn vốn</b>			
A. Nợ phải trả	1.174.501.366	6.016.661.105	5.503.389.767
B. Nguồn vốn chủ sở hữu	1.140.505.344	1.551.365.907	2.449.125.597
<b>Tổng cộng nguồn vốn</b>	<b>2.315.006.710</b>	<b>7.568.027.012</b>	<b>7.952.515.364</b>

*Bảng tình hình biến động tài sản và nguồn vốn trong các năm 2006, 2007, 2008*

Nhìn vào bảng trên ta có thể nhận xét như sau: Tổng tài sản và nguồn vốn của Công ty có xu hướng tăng, điều này chứng tỏ cơ sở vật chất của Công ty đã được tăng cường, quy mô về năng lực sản xuất đã được mở rộng, sự ra tăng này sẽ tạo nguồn lợi tức trong dài hạn cho Công ty.

➤ *Về sự biến động của doanh thu: (ĐVT: Đồng)*

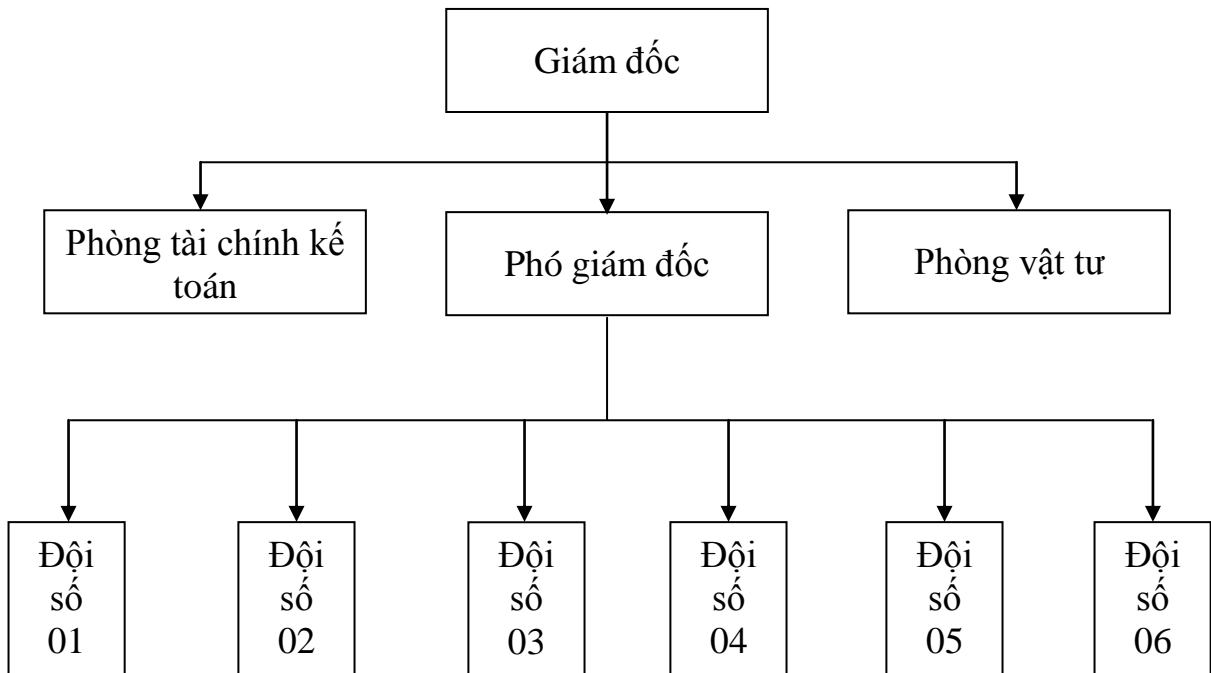
<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Năm 2006</b>	<b>Năm 2007</b>	<b>Năm 2008</b>
Doanh thu thuần	8.668.479.069	19.461.755.932	19.358.280.073
Lợi nhuận sau thuế	43.436.598	410.860.563	897.759.690

*Bảng tình hình biến động về lợi nhuận trong các năm 2006,2007,2008*

Qua bảng trên ta thấy lợi nhuận của Công ty đạt được trong năm ngày càng tăng, việc kinh doanh Công ty hoạt động ngày càng có hiệu quả.

**2.1.5. Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH chống ăn mòn Hoàng Long.**

Công ty TNHH chông ăn mòn Hoàng Long là đơn vị sản xuất kinh doanh độc lập. Công ty đã tổ chức mô hình quản lý kiểu trực tuyến với phương châm sử dụng lao động gọn nhẹ, nâng cao đội ngũ cán bộ có trình độ nghiệp vụ với bộ máy quản lý hoàn chỉnh, các phòng ban được phân định rõ ràng cụ thể.



***Biểu 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH chông ăn mòn Hoàng Long.***

Qua sơ đồ ta thấy chức năng của các phòng ban như sau:

***Giám đốc:*** Là người đại diện pháp lý trước pháp luật đối với toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh và đối với cán bộ công nhân viên Công ty, tổ chức lãnh đạo chung toàn Công ty. Ngoài việc uỷ quyền cho Phó giám đốc, giám đốc còn chỉ đạo trực tiếp thông qua các phòng ban.

***Phó giám đốc:*** Tham mưu, giúp việc cho giám đốc Công ty, trực tiếp chỉ đạo tới các bộ phận thi công.

***Phòng tài chính kế toán:*** Tham mưu cho giám đốc về mặt tài chính kế toán, tổ chức quản lý các nguồn vốn, hạch toán kế toán đúng chế độ, đảm bảo vốn để đơn vị

hoạt động liên tục và có hiệu quả, chỉ đạo công tác kế toán tại Công ty, xác định tài sản, vật tư, tiền vốn và kết quả kinh doanh. Lưu trữ hồ sơ và các chứng từ gốc có liên quan đến các nghiệp vụ kinh tế của Công ty, tính toán và trích lập đủ, đúng hạn các khoản nộp ngân sách Nhà nước, nộp cấp trên và các quỹ để lại.

**Phòng kế hoạch và đầu tư:** Khảo sát các phương tiện vào sửa chữa hoán cải, lập kế hoạch thi công các công trình, báo cáo định kỳ tuần, tháng, quý, năm lên cơ quan cấp trên theo quy định.

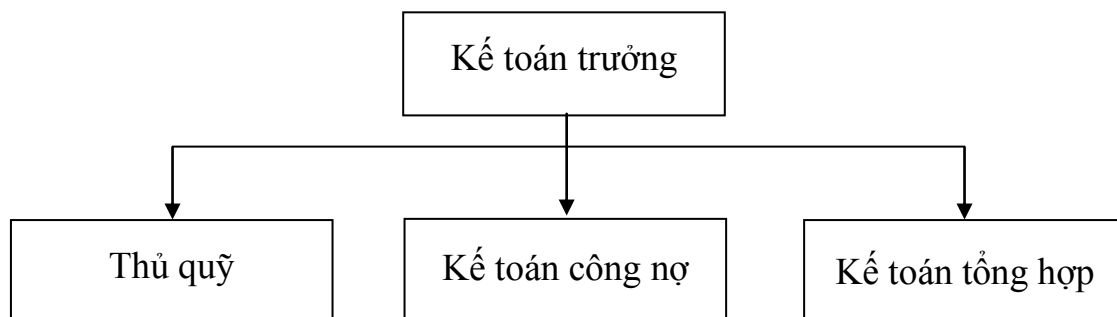
**Phòng vật tư thiết bị:** Quản lý các thiết bị máy móc của Công ty, nên kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng máy móc thiết bị, cung cấp vật tư thiết bị theo giấy đề nghị cung cấp vật tư của đội thi công chuyên sang.

### **2.1.6. Đặc điểm mô hình tổ chức bộ máy kế toán và hình thức tổ chức hệ thống sổ kế toán áp dụng tại Công ty TNHH chống ăn mòn Hoàng Long.**

Công tác kế toán do một bộ phận chuyên trách đảm nhận gọi là **phòng Tài chính kế toán**. Trong phòng kế toán trưởng quản lý và điều hành trực tiếp các kế toán viên. Các nhân viên kế toán có trách nhiệm hạch toán chi tiết, hạch toán tổng hợp, lập báo cáo kế toán đồng thời phân tích hoạt động kinh tế và kiểm tra công tác kế toán của Công ty.

#### **2.1.6.1. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty TNHH chống ăn mòn Hoàng Long.**

Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức theo mô hình tập trung



**Biểu 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của Công ty TNHH chống ăn mòn Hoàng Long.**

**Trong đó:**

**Kế toán trưởng:** Phụ trách công tác kế toán chung cho Công ty, tổ chức hạch toán, xác định hình thức kế toán áp dụng cho đơn vị, cung cấp thông tin kinh tế giúp lãnh đạo về công tác chuyên môn, kiểm tra tài chính. Bên cạnh đó kế toán trưởng còn theo dõi các phần hành sau: theo dõi ngân sách, nhà cung cấp, các khoản phải thu, theo dõi TSCĐ, kế toán tổng hợp, tập hợp chi phí sản xuất của đơn vị, hạch toán kết quả sản xuất kinh doanh, lập báo cáo tài chính, lập tờ khai thuế, tổ chức sử dụng và huy động vốn có hiệu quả nhất.

**Kế toán tổng hợp:** Có trách nhiệm phụ trách bao quát tất cả các số liệu tiền lương, TSCĐ, NVL, giá thành, tiền mặt, TGNH và các khoản công nợ để có thể cung cấp một cách chính xác bất cứ lúc nào cho kế toán trưởng hay giám đốc hoặc phó giám đốc.

**Kế toán công nợ:** Chuyên theo dõi các chứng từ liên quan đến các khoản phải thu, phải trả.

**Thủ quỹ:** Có trách nhiệm thu, chi tiền mặt trên cơ sở chứng từ tthu và các chứng từ chi, giấy tạm ứng... lập báo cáo tồn quỹ tiền mặt theo quy định.

**2.1.6.2. Hình thức tổ chức hệ thống sổ kế toán áp dụng tại Công ty TNHH chống ăn mòn Hoàng Long.**

Để đáp ứng nhu cầu quản lý, đồng thời căn cứ vào quy mô, đặc điểm của hoạt động sản xuất kinh doanh, trình độ nghiệp vụ của cán bộ kế toán hình thức được Công ty áp dụng là hình thức **Nhật ký chung**.

Hệ thống tài khoản hiện nay Công ty đang sử dụng là hệ thống tài khoản do Bộ tài chính ban hành.

Niên độ kế toán: Từ ngày 01 tháng 01 đến 31 tháng 12/N

Chu trình kế toán được tổ chức chặt chẽ theo bốn bước sau:

❶ **Kiểm tra chứng từ:** Xác minh chứng từ về tính hợp pháp, hợp lệ, trung thực, đúng chế độ kế toán.

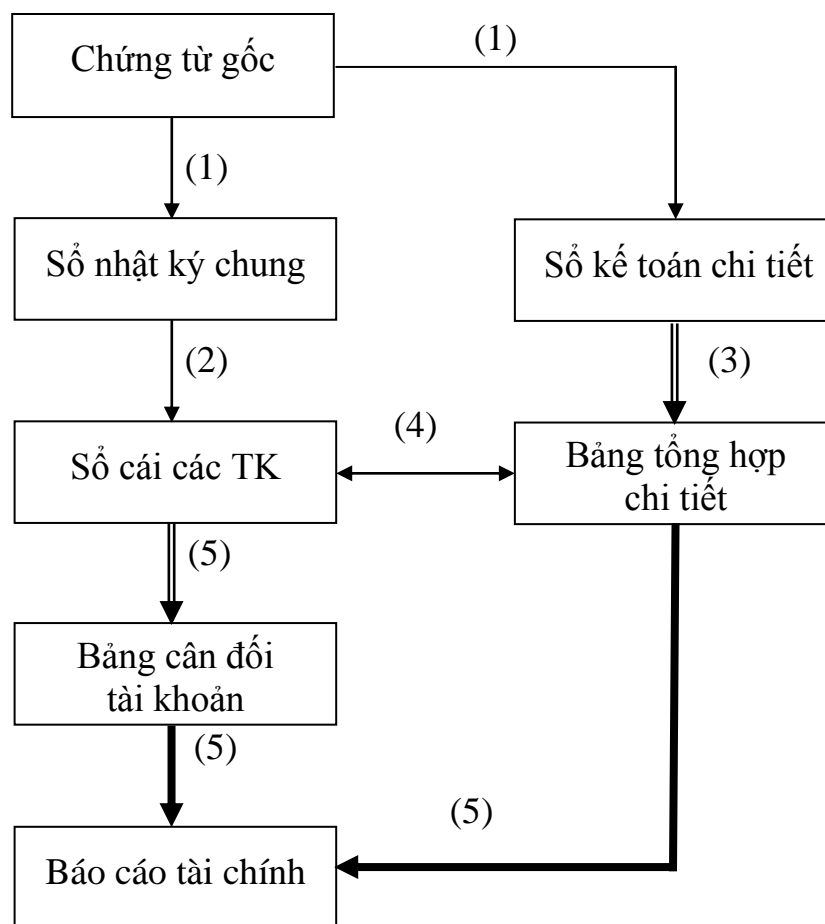
② *Hoàn chỉnh chứng từ*: Ghi chép nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh như số tiền, số thực xuất... tổng hợp số liệu, lập và định khoản kế toán.

③ *Luân chuyển chứng từ*: Tùy theo tính chất nội dung của từng loại chứng từ kế toán luân chuyển vào các bộ phận được quy định để làm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết kịp thời, chính xác.

④ *Lưu trữ chứng từ*: Bộ phận kế toán có trách nhiệm tổ chức bảo quản, lưu trữ đầy đủ có hệ thống và khoa học theo đúng quy định.

Đặc điểm chủ yếu của hình thức kế toán “**Nhật ký chung**” là tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh phản ánh ở chứng từ gốc đều được ghi chép theo trình tự thời gian và theo quan hệ đối ứng tài khoản vào sổ **NKC** sau đó từ sổ **NKC** vào sổ cái các tài khoản, từ sổ cái các tài khoản, bảng tổng hợp chi tiết lập báo cáo kế toán.





**Sơ đồ 2.3: Sơ đồ luân chuyển chứng từ tại Công ty TNHH chống ăn mòn Hoàng Long**

**Ghi chú:**

- : Ghi hàng ngày
- ⇒ : Ghi cuối tháng
- (thick) : Ghi cuối năm
- ↔ : Đối chiếu, kiểm tra

***Trình tự ghi sổ như sau:***

1. Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ gốc ghi vào sổ NKC, sổ thẻ kế toán chi tiết.
2. Từ 3 đến 5 ngày từ NKC, sổ kế toán chi tiết vào sổ cái các tài khoản.
3. Tổng hợp các tài khoản chi tiết, lập bảng tổng hợp chi tiết.

4. Đối chiếu, kiểm tra số liệu trước khi lập báo cáo.

5. Lập báo cáo quyết toán:

- Bảng cân đối tài khoản
- Bảng cân đối kế toán
- Bảng báo cáo kết quả kinh doanh
- Thuyết minh báo cáo tài chính.

## **2.2. Thực trạng công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH chống ăn mòn Hoàng Long**

### ***2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán***

#### ***2.2.1.1. Phương thức bán hàng***

Công ty TNHH chống ăn mòn Hoàng Long là công ty kinh doanh các sản phẩm gia công nên phương thức bán hàng chủ yếu là bán hàng theo đơn đặt hàng, hợp đồng kinh tế được ký kết từ trước, sau đó công ty mới gia công. Thông thường khách hàng đặt cọc một phần, sau khi kết thúc hợp đồng khách hàng sẽ thanh toán nốt tiền hàng cho công ty.

#### ***2.2.1.2. Phương pháp xác định giá vốn***

##### ***a/ Đặc điểm:***

Căn cứ vào đặc điểm của Công ty: Sản phẩm có giá trị lớn, phương tiện kỹ thuật cao, thời gian thi công dài, địa điểm công trình phân bố rộng nên Công ty xác định đối tượng tính giá thành các công trình là các giai đoạn công việc đã hoàn thành hoặc hạng mục công trình lớn chuyển tiếp nhiều năm hoàn thành. Do vậy phương pháp tính giá thành mà Công ty áp dụng là phương pháp tính giá thành trực tiếp theo hợp đồng kinh tế. Theo phương pháp này tập hợp chi phí sản xuất phát sinh cho một công trình, hạng mục công trình từ khi khởi công đến khi hoàn thành bàn giao chính là giá thành thực tế của công trình, hạng mục công trình đó.

##### ***b/ Chứng từ, sổ sách sử dụng:***

Đề hạch toán giá vốn Công ty sử dụng TK 632 - “Giá vốn hàng bán”. Các chứng từ, sổ sách công ty sử dụng bao gồm:

- Bảng tính giá thành các công trình
- Sổ cái TK 154, TK 632

***c/ Quy trình hạch toán:***

Trong năm 2008, Công ty thi công rất nhiều công trình, tất cả các chi phí sản xuất: CP NVLTT (TK 621), CP NCTT (TK 622), CP sử dụng máy thi công (TK 623), CP SXC (TK 627) phục vụ cho công trình nào sẽ được hạch toán chi tiết cho từng công trình đó. Từ các chứng từ và sổ sách kế toán, định kỳ hàng tháng, kết chuyển chi phí sản xuất kinh doanh cho từng công trình đang thực hiện:

Nợ TK 154

Có TK 621

Có TK 622

Có TK 623

Có TK 627

Từ đó kế toán vào sổ cái các TK 621, TK 622, TK 623, TK 627. Hàng tháng kế toán tập hợp các sổ chi tiết chi phí sản xuất để vào sổ chi tiết TK 154.

Khi một công trình hoặc một hạng mục công trình được hoàn thành và xác định là bàn giao, căn cứ vào sổ chi tiết TK 154 của công trình đó, kế toán xác định giá vốn, chính bằng toàn bộ chi phí sản xuất phát sinh của công trình đó.

Nợ TK 632 – Chi tiết cho từng công trình

Có TK 154

**Ví dụ 1:**

- Ngày 26/03/08 bàn giao sản phẩm hoàn thành – Phun xỉ đồng, sơn hoàn thiện bồn dầu nhà máy lọc dầu Dung Quất lần 2 với giá vốn là: 331.702.836đ.

- Ngày 26/03/08 bàn giao sản phẩm hoàn thành – Phun cát, sơn chống rỉ thép nhà máy đóng tàu Đại Dương lần 3 với giá vốn là: 863.042.800đ.

- Căn cứ vào bảng tính giá thành, kế toán vào sổ nhật ký chung và sổ cái TK 632.

**Biểu 2.4: Bảng tính giá thành các công trình**  
CÔNG TY TNHH CHÓNG ĂN MÒN HOÀNG LONG

**BẢNG TÍNH GIÁ THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH**  
Tháng 03 năm 2008

Số hiệu	Tên công trình	CP DD ĐK	Khoản mục chi phí				Tổng cộng chi phí	CP DDCK	Giá vốn công trình
			CP NVLTT	CP NCTT	CP MTC	CP SXC			
CT0036	Công trình nhà máy lọc dầu Dung Quất		215,606,843	29,160,000	23,567,200	63,368,793	331,702,836		331,702,836
CT0020	Công trình nhà máy đóng tàu Đại Dương		656,663,000	67,853,000	63,250,600	75,276,200	863,042,800		863,042,800
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
	<b>Tổng cộng</b>		<b>940,468,864</b>	<b>112,751,235</b>	<b>96,567,800</b>	<b>149,879,309</b>	<b>1,299,667,208</b>		<b>1,299,667,208</b>

Kế toán

Ngày 31 tháng 12 năm 2008  
Giám đốc

**Biểu 2.5 (Trích): Nhật ký chung**

CÔNG TY TNHH CHỐNG ẮN MÒN HOÀNG LONG

**NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2008

Trang 1

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	
.....		.....	.....	.....	.....	.....
			<b>Số phát sinh tháng 3</b>			
.....		.....	.....	.....	.....	.....
06/03/08	PC01/3	06/03/08	Trả tiền cước điện thoại T2/08	642	111	1,315,682
06/03/08	PC01/3	06/03/08	Thuế GTGT được khấu trừ-cước điện thoại T2/08	133	111	131,569
08/03/08	PC02/3	08/03/08	Trả tiền thuê văn phòng T2/08	642	111	7,000,000
08/03/08	PC02/3	08/03/08	Thuế GTGT được khấu trừ-thuê văn phòng T2/08	133	111	700,000
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
13/03/08	PC03/3	13/03/08	Trả tiền mua điện thoại Nokia 5300	642	111	2,572,727
13/03/08	PC03/3	13/03/08	Thuế GTGT được khấu trừ-điện thoại Nokia 5300	133	111	257,273
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
26/03/08	GBC	26/03/08	Thu tiền phun xỉ đồng, sơn bồn dầu nhà máy lọc dầu Dung Quất lần 02	112	511	360,546,560
26/03/08	GBC	26/03/08	Thuế GTGT đầu ra-Công trình nhà máy lọc dầu Dung Quất	112	3331	18,027,328
26/03/08	PT08/3	26/03/08	Thu tiền phun cát, sơn chống rỉ-Cty đóng tàu Đại Dương	111	511	263,380,000
	GBC		112	511	674,710,000	
26/03/08	PT08/3	26/03/08	Thuế GTGT đầu ra-Cty đóng tàu Đại Dương	133	111	13,169,000
	GBC		133	112	33,735,500	
26/03/08		26/03/08	Giá vốn phun xỉ đồng, sơn bồn dầu đợt 2 nhà máy lọc dầu Dung Quất	632	154	331,702,836
26/03/08		26/03/08	Giá vốn phun cát, sơn chống rỉ - Cty đóng tàu Đại Dương	632	154	863,042,800

Trang 2

Đơn vị tính: VNĐ

**Khoá luận tốt nghiệp**

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	
26/03/08	PTL	25/03/08	Lãi tiền gửi-Ngân hàng CPTM quân đội	112	515	6,710
26/03/08	GBC	25/03/08	Lãi tiền gửi-Ngân hàng Vietcombank	112	515	29,605
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/03/08	BTTL	31/03/08	Lương phải trả bộ phận gián tiếp	642	334	19,180,000
31/03/08	PC09/3	31/03/08	Lãi tiền vay-Ngân hàng CPTM quân đội	635	111	5,425,000
31/03/08		31/03/08	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ T3	511	911	1,412,681,747
31/03/08		31/03/08	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	36,315
31/03/08		31/03/08	Kết chuyển giá vốn hàng bán T3	911	632	1,299,667,207
31/03/08		31/03/08	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911	642	33,095,939
31/03/08		31/03/08	Kết chuyển chi phí tài chính	911	635	5,425,000
31/03/08		31/03/08	Thuế TNDN phải nộp	821	3334	20,868,376
31/03/08		31/03/08	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	821	20,868,376
31/03/08		31/03/08	Xác định kết quả kinh doanh	911	421	53,661,540
31/03/08		31/03/08	Trích lập quỹ đầu tư phát triển	421	414	26,830,770
31/03/08		31/03/08	Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	421	431	10,732,308
			<b>Cộng lũy kế T3</b>			<b>5,552,926,618</b>
			<b>Cộng lũy kế cả năm</b>			

**Kế toán**

Ngày 31 tháng 12 năm 2008  
**Giám đốc**

**Biểu 2.6 (Trích): Sổ cái TK 632**

**CÔNG TY TNHH CHỐNG ẪN MÒN HOÀNG LONG**

**SỔ CÁI**

**Năm 2008**

**Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán**

**Số hiệu: 632**

*Đơn vị tính: VNĐ*

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày CT			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu năm</b>			
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
			<b>Số phát sinh tháng 3</b>			
26/03/08		26/03/08	Giá vốn phun xi đồng, sơn bồn dầu nhà máy lọc dầu Dung Quất	154	331,702,836	
26/03/08		26/03/08	Giá vốn phun cát, phun sơn chống rỉ-Cty đóng tàu Đại Dương	154	863,042,800	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/03/08		31/03/08	Kết chuyển giá vốn hàng bán T3	911		1,299,667,207
			<b>Cộng phát sinh tháng 3</b>		<b>1,299,667,207</b>	<b>1,299,667,207</b>
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
			<b>Cộng lũy kế từ đầu năm</b>		<b>17,374,519,535</b>	<b>17,374,519,535</b>
			<b>Số dư cuối năm</b>			

**Kế toán**

*Ngày 31 tháng 12 năm 2008*

**Giám đốc**



### **2.2.2. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

#### **a/ Đặc điểm:**

Trong năm 2008, Công ty đã đạt được giá trị doanh thu là 19.358.280.073đ, doanh thu của công ty chủ yếu thu từ hoạt động gia công sản phẩm cho các công trình nhà máy, xí nghiệp.

#### **b/ Chứng từ, sổ sách sử dụng:**

- Hoá đơn GTGT
- Bảng tổng hợp khối lượng giá trị nghiệm thu công trình
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng
- Sổ chi tiết TK 131, TK 511
- Sổ cái TK 131, TK 511
- Bảng tổng hợp TK 131, TK 511

#### **c/ Quy trình hạch toán**

Căn cứ vào hợp đồng kinh tế đã ký, khi công trình được bàn giao, theo yêu cầu của khách hàng, kế toán sẽ ghi hoá đơn GTGT cho khách hàng. Hoá đơn GTGT gồm 3 liên:

- Liên 1: Màu tím để lưu lại ở Công ty
- Liên 2: Màu đỏ, giao cho khách hàng
- Liên 3: Màu xanh, lưu chuyển nội bộ

Sau khi giao hoá đơn GTGT cho khách hàng, kế toán viết phiếu thu nếu khách hàng trả tiền ngay bằng tiền mặt, hoặc nhận được giấy báo có của ngân hàng nếu khách hàng thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng trong ngày. Kế toán định khoản như sau:

- Nợ TK 111, 112 - Tổng tiền thanh toán
- Có TK 511 - Doanh thu bán hàng
- Có TK 3331 - Thuế GTGT đầu ra

Tuy nhiên hầu hết dịch vụ của công ty đều là thanh toán chậm và có những công trình kéo dài tương đối nhiều năm, nên việc ghi nhận doanh thu được tính theo từng giai đoạn sau khi đã ký duyệt, kế toán ghi:

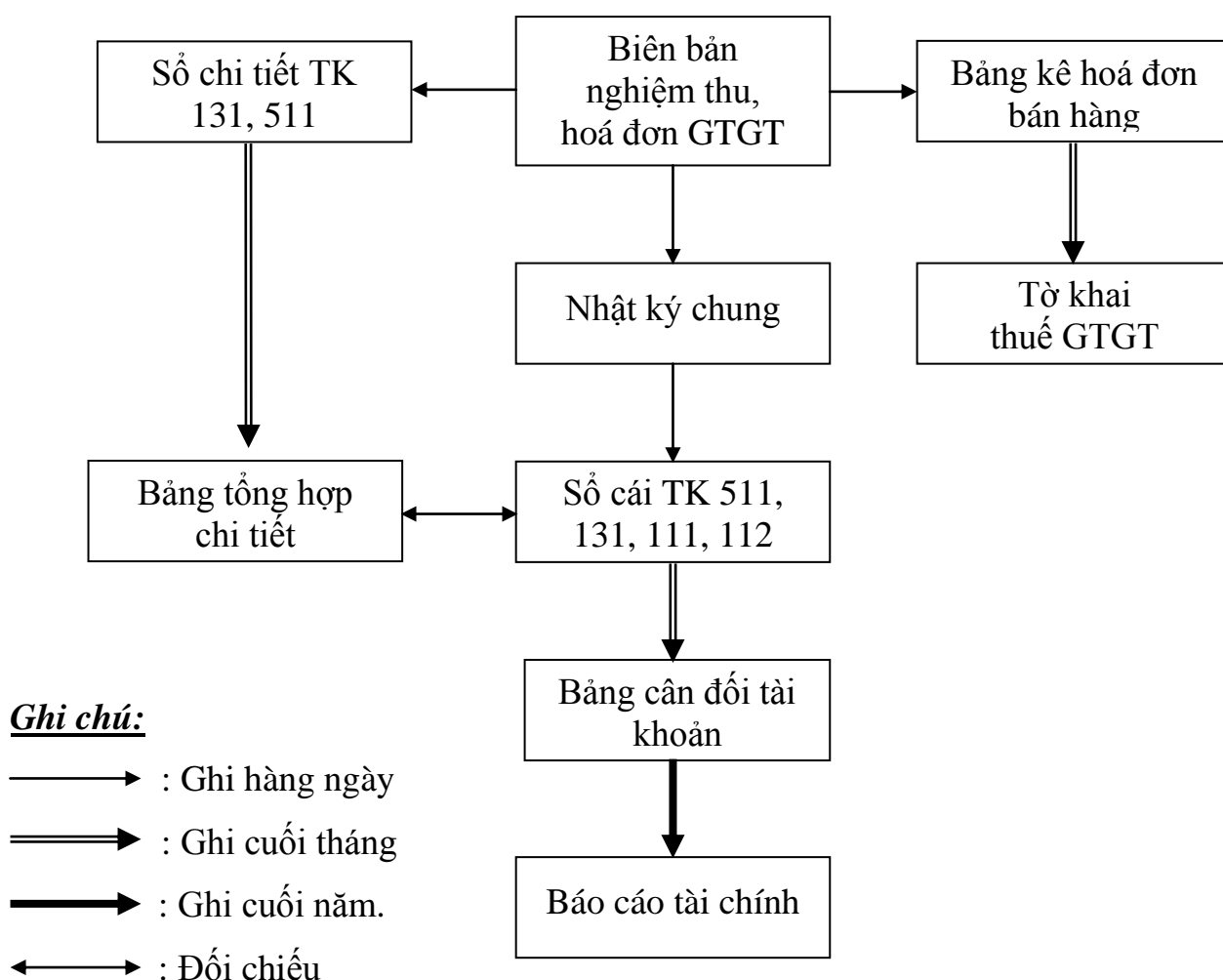
Nợ TK 131 - Số tiền phải thu của khách hàng

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng

Có TK 3331 - Thuế GTGT đầu ra

Từ các chứng từ gốc (hoá đơn GTGT, phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng, ...) kế toán ghi vào sổ chi tiết bán hàng, sổ chi tiết TK 131-“Phải thu khách hàng”,...Cuối tháng căn cứ vào sổ Nhật ký chung và các sổ chi tiết kế toán ghi sổ cái TK liên quan và lập bảng tổng hợp chi tiết TK 131.

**Biểu 2.7: Sơ đồ hạch toán doanh thu**



**Ví dụ 2:**

Lấy tiếp ví dụ 1 cùng với việc ghi nhận giá vốn, kế toán phản ánh doanh thu bán hàng:

\* Theo hoá đơn số 27145 - Phun xỉ đồng và sơn hoàn thiện bồn dầu lần 02 (Nhà máy lọc dầu Dung Quất):

- Cộng tiền hàng: 360.546.560đ
- Tiền thuế GTGT đầu ra (5%): 18.021.328đ
- Tổng cộng tiền thanh toán: 378.573.88đ

\* Theo hoá đơn số 27146 - Phun cát làm sạch và sơn chống rỉ tôn (Nhà máy đóng tàu Đại Dương):

- Cộng tiền hàng: 938.090.000đ
- Tiền thuế GTGT đầu ra (5%): 46.904.500đ
- Tổng tiền thanh toán: 984.994.500đ

Căn cứ vào 2 hoá đơn trên, kế toán vào sổ nhật ký chung (xem biểu 2.5), sổ chi tiết bán hàng, sổ cái TK 511

**HOA ĐƠN** Mẫu số: 01/GTKT-3LL  
HL/2007B

**GIÁ TRỊ GIA TĂNG** **0027145 39**

Liên 3: Nội bộ

Ngày... 26 tháng... 2 năm 2002

---

Đơn vị bán hàng: .....  
 Địa chỉ: .....  
 Số tài khoản: .....  
 Điện thoại: ..... MS: [ ][ ] [ ][ ] [ ][ ] [ ][ ]

CTY TNHH CHỐNG ẮN MÒN HOÀNG LONG  
 435 ĐƯỜNG 5/3 HƯNG VƯƠNG - HB - HP  
 MST: 0200638336


---

Họ tên người mua hàng: .....  
 Tên đơn vị: Công ty CP Co. khi lập máy Ulama  
 Địa chỉ: 2 E đường Nguyễn Đức - TX Ninh Bình - Tỉnh Ninh Bình  
 Số tài khoản: 701 9001A Ngân hàng ĐT và PT tỉnh Ninh Bình  
 Hình thức thanh toán: Ck MS: 27 00 22 43 9 0

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	B	C	1	2	3=1x2
1)	Phụ xi công, sơn sơn và sơn hoàn thiện sơn các nhà máy, sic đầu Dung Quất (thực lập công kinh tế số 296/MĐĐT ngày 10/12/02)	m <sup>2</sup>	2145,56	146 (00)	310.546,56
Tổng cộng hàng:					310.546,56
Thuế suất GTGT: 5 % Tiền thuế GTGT:					15.027,22
Tổng cộng tiền thanh toán					325.573,78

Số tiền viết bằng chữ: ba trăm lẻ năm ngàn tám trăm năm mươi lăm ngàn tám trăm lẻ đồng.

Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên): .....  
 Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên): *Chu Lương Khu*



Trưởng đơn vị  
 (Ký, ghi rõ họ tên)  
*[Signature]*  
**GIÁM ĐỐC**  
*Đo Văn Chung*

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----000-----

**BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG GIÁ TRỊ NGHIỆM THU HOÀN THÀNH ĐỢT 02**

**Công trình:** Nhà máy lọc dầu Dung Quất

*Hạng mục:* Bốn xăng 5203A/B/C.

*Nội dung công việc:* Phun xỉ đồng kinh tế và sơn 03 bồn TK-5203A/B/C.

\* Căn cứ Hợp đồng kinh tế số 296/HĐKT ngày 10/12/2007 giữa Công ty CP cơ khí lắp máy LILAMA với Công ty TNHH chống ăn mòn Hoàng Long.

\* Căn cứ hồ sơ nghiệm thu kỹ thuật 29/2/08.

Công ty CP cơ khí lắp máy LILAMA và công ty TNHH chống ăn mòn Hoàng Long cùng nhau xác nhận:

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	DIỆN TÍCH SƠN	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)
1	TANK 5203A Pontoon Roof + Desk Plate + Accessories	m <sup>2</sup>	2.048,56	176.000	360.546.560
	cộng		<b>2.048,56</b>		<b>360.546.560</b>
	Thuế GTGT (5%)				<b>18.027.328</b>
	<b>Tổng cộng</b>				<b>378.573.888</b>

(Bảng chữ: Ba trăm bảy mươi tám triệu, năm trăm bảy mươi ba nghìn, tám trăm tám mươi tám đồng).

Ninh Bình, ngày 26 tháng 3 năm 2008



**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LẮP MÁY LILAMA**

PHÒNG KTKT

TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Lê Hữu Điều*

**C. TY TNHH CHỐNG ĂN MỒN HOÀNG LONG**



GIÁM ĐỐC  
*Lê Văn Chung*



CÔNG TY TNHH ĐÓNG TÀU  
ĐẠI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Hải phòng, ngày 26 tháng 03 năm 2008

### QUYẾT TOÁN

Phun cát, phun sơn lần 03 tháng 03/2008  
(Theo hợp đồng kinh tế số 20/HĐKT)


STT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Mặt	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Thép tấm 6 ly	m <sup>2</sup>	2.633,8	2	50.000	263.380.000	
2	Thép tấm 12 ly	m <sup>2</sup>	6.747,1	2	50.000	674.710.000	
Cộng tiền hàng			9.380,9			938.090.000	
Tiền thuế GTGT 5%						46.904.500	
Tổng cộng tiền thanh toán						984.994.500	

Số tiền viết bằng chữ: Chín trăm tám mươi tư triệu, chín trăm chín mươi tư ngàn, năm trăm đồng chẵn /.

BÊN A

  
GIÁM ĐỐC  
*Lê Đoàn Tâm*

BÊN B

  
GIÁM ĐỐC  
*Lê Văn Chung*

**Khoá luận tốt nghiệp**

**BẢNG KÊ HOÁ ĐƠN, CHỨNG TỪ HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ BÁN RA**

*( Kèm theo tờ khai thuế thuế GTGT theo mẫu số 01/GTGT)*

*Kỳ tính thuế: Tháng 3 năm 2008*

Mẫu số: **01 - 1/GTGT**  
(Ban hành kèm theo thông tư  
60/2007/TT-BTC ngày  
14/6/2007 của Bộ Tài Chính)

NGƯỜI NỘP THUẾ: CÔNG TY TNHH CHỐNG ẮN MÒN HOÀNG LONG

MÃ SỐ THUẾ: 0200638336

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

TT	HOÁ ĐƠN CHỨNG TỪ BÁN RA			TÊN NGƯỜI MUA	MÃ SỐ THUẾ NGƯỜI MUA	MẶT HÀNG	DOANH SỐ BÁN CHƯA CÓ THUẾ	THUẾ SUẤT (%)	THUẾ GTGT	GHI CHÚ
	Ký hiệu hoá đơn	Số hoá đơn	N-T-N phát hành							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
<b>1. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất GTGT 5%:</b>										
1	01 GTKT - 3LL	HL/2007B - 0027145	26/3/08	Công ty CP cơ khí lắp máy Lilama	2700224390	Phun cát, sơn tôn bô	360.546.560	5%	18.027.328	
2	01 GTKT - 3LL	HL/2007B - 0027146		Công ty TNHH Đóng tàu Đại Dương	0200655726	Phun cat, sơn tôn thép	938.090.000	5%	46.904.500	
<b>TỔNG CỘNG</b>							<b>1.298.636.560</b>		<b>64.931.828</b>	
<b>2. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất GTGT 10%:</b>										
3	01 GTKT - 3LL	HL/2007B - 0027144	24/3/08	Công ty CP Lilama 3	2600104526	Phun cát, sơn TB, KC	114.045.187	10%	11.404.553	
<b>TỔNG CỘNG</b>							<b>114.045.187</b>		<b>11.404.553</b>	

Tổng doanh thu hàng hoá, dịch vụ bán ra: **1.412.681.747Đ**

Tổng thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ bán ra: **76.336.381Đ**

Hải phòng, ngày 12 tháng 4 năm 2008

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

*Ký, đóng dấu (ghi rõ họ tên và chức vụ)*



  
**GIÁM ĐỐC**  
**Lê Văn Chun**



**Biểu 2.8 (Trích): Sổ chi tiết bán hàng**

CÔNG TY TNHH CHỐNG ẪN MÒN HOÀNG LONG

**SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG**

Năm 2008

Tên công trình: Công trình nhà máy lọc dầu Dung Quất

*Đơn vị tính: VND*

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Doanh thu			Các khoản giảm trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (521, 531, 532)
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
26/03/08	PT07	26/03/08	Thu tiền phun xi đồng, sơn bồn dầu đợt 2- Cty CP cơ khí lắp máy Lilama	111	2048.56	17,000	360,546,560		
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
			<b>Cộng số phát sinh cả năm</b>				<b>4,350,612,320</b>		
			<b>Doanh thu thuần</b>				<b>4,350,612,320</b>		
			<b>Giá vốn hàng bán</b>				<b>3,103,139,342</b>		
			<b>Lãi gộp</b>				<b>1,247,472,978</b>		

Kế toán

*Ngày 31 tháng 12 năm 2008*

**Giám đốc**

**Biểu 2.9 (Trích): Sổ chi tiết bán hàng**

CÔNG TY TNHH CHỐNG ẪN MÒN HOÀNG LONG

**SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG**

Năm 2008

Tên công trình: Công trình nhà máy đóng tàu Đại Dương

*Đơn vị tính: VNĐ*

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Doanh thu			Các khoản giảm trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (521, 531, 532)
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
26/03/08	PT08	26/03/08	Thu tiền phun cát, sơn chống rỉ - lần 3	111	5267.6	50,000	263,380,000		
			- Tôn 6 ly - Tôn 12 ly	112	13494.2	50,000	674,710,000		
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
			<b>Cộng phát sinh cả năm</b>				<b>5,457,320,000</b>		
			<b>Doanh thu thuần</b>				<b>5,457,320,000</b>		
			<b>Giá vốn hàng bán</b>				<b>4,676,075,808</b>		
			<b>Lãi gộp</b>				<b>781,244,192</b>		

Kế toán

*Ngày 31 tháng 12 năm 2008*

**Giám đốc**

*Khoá luận tốt nghiệp*

**Biểu 2.10 (Trích): Sổ cái TK 511**

**CÔNG TY TNHH CHỐNG ĂN MÒN HOÀNG LONG**

**SỔ CÁI**

Năm 2008

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

*Đơn vị tính: VNĐ*

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày CT			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu năm</b>			
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
			<b>Số phát sinh tháng 3</b>			
26/03/08	GBC	26/03/08	Thu tiền phun xi đồng, sơn bồn dầu nhà máy lọc dầu Dung Quất	112		360,546,560
26/03/08	PT08	26/03/08	Thu tiền phun cát, sơn chống rỉ-Cty đóng tàu Đại Dương - Tôn 6 ly	111		263,380,000
	GBC		- Tôn 12 ly	112		674,710,000
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/03/08		31/03/08	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ T3	911	1,412,681,747	
			<b>Cộng phát sinh tháng 3</b>		<b>1,412,681,747</b>	<b>1,412,681,747</b>
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
			<b>Cộng lũy kế từ đầu năm</b>		<b>19,358,280,073</b>	<b>19,358,280,073</b>
			<b>Số dư cuối năm</b>			

#### **2.2.4. Kế toán hoạt động tài chính**

##### **a/ Đặc điểm:**

Tại công ty các hoạt động chủ yếu là lãi tiền gửi ngân hàng, lãi vay ngân hàng. Tiền lãi ngân hàng thường phát sinh ổn định hàng tháng do khoản mục này ít biến động.

##### **b/ Chứng từ, sổ sách sử dụng:**

Đề hạch toán hoạt động tài chính kế toán sử dụng TK 515 - “Doanh thu hoạt động tài chính” và TK 635 - “Chi phí hoạt động tài chính”. Các chứng từ, sổ sách kế toán sử dụng bao gồm:

- Giấy báo có, giấy báo nợ của ngân hàng
- Phiếu chi
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 515, TK 635

##### **c/ Quy trình hạch toán:**

Khi phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến hoạt động tài chính, kế toán dựa vào giấy báo có của ngân hàng (nếu là nghiệp vụ phát sinh tiền lãi gửi ngân hàng) để hạch toán vào TK 515 và dựa vào giấy báo nợ của ngân hàng (nếu là lãi vay phải trả ngân hàng) để hạch toán vào TK 635. Cuối tháng từ nhật ký chung kế toán vào sổ cái TK 515, TK 635.

##### **Ví dụ 3:**

- Ngày 25/03/08, Công ty nhận được phiếu trả lãi tài khoản của Ngân hàng CPTM quân đội, số tiền: 6.710đ
- Ngày 25/03/08, Công ty nhận được giấy báo có trả lãi tiền gửi của Ngân hàng Vietcombank, số tiền: 29605đ
- Ngày 30/03/08, Công ty nhận được phiếu tính lãi tiền vay của Ngân hàng CPTM quân đội, số tiền: 5.425.000đ.

Căn cứ vào phiếu trả lãi tài khoản, giấy báo có và phiếu tính lãi tiền vay của ngân hàng, kế toán vào sổ Nhật ký chung (Xem biểu 2.5), sổ cái TK 515, TK 635.

Ngân hàng TMCP quân đội

**PHIẾU TRẢ LÃI TÀI KHOẢN**

*Từ ngày:* 26/02/2008 *Đến ngày* 25/03/2008

**Khách hàng:**

**Nguyên tệ: VND**

**Tài khoản trả lãi: 2531100118001**

Ngày bắt đầu	Số ngày	Số dư	Tỷ giá	Thành tiền
26/02/2008	1	1,328,149.00	3.00	111.00
27/02/2008	2	11,478,149.00	3.00	1,913.00
29/02/2008	24	1,328,149.00	3.00	2,656.00
24/03/2008	2	12,178,149.00	3.00	2,030.00

**Tổng tiền: 6,710.00**

**Bằng chữ: Sáu nghìn bảy trăm mười VND chẵn**

Tài khoản trích nợ: PL 500000

**Ngày lập phiếu: 26/3/2008**

Người lập phiếu



Kiểm soát

Kế toán trưởng



**Khoá luận tốt nghiệp**

Vietcombank  
Chi nhánh 003

**GIẤY BẢO CỨ TRẢ LẠI TIỀN GỬI**  
Ngày 25/03/2008

Mãtv: 091

TÊN ĐƠN VỊ : CT TNHH CHONG AN MON HOANG LONG (HOANG  
SỐ TÀI KHOẢN: 003.1.00.017095.8

Số cif: 1266927

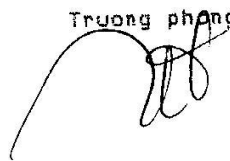
20

Tu ngày	Đến ngày	Lãi suất	Tiền lãi
26/02/08	25/03/08	2.400000000	29 605.00
<b>Tổng cộng</b>			<b>29 605.00</b>

Thanh toán viên

Kiểm soát viên

Trưởng phòng



NGÂN HÀNG TMCP QUÂN ĐỘI

Ngo Quyên(NQ)

PHIẾU TÍNH LÃI TIỀN VAY

Từ ngày 29/02/2008

Đến ngày 30/03/2008

Liên 2 - Giao cho khách hàng

Khế ước số: LD0729100050

Khách hàng: 95988 CTY TNHH CHONG AN MON HOANG LONG

Loại vay: 21050 Working Capital

Từ ngày	Đến ngày	Số dư	Số ngày	Tích số	Lãi(%)	Tiền lãi
29/02/2008	30/03/2008	500,000,000.00	31	15,500,000,000.00	12.6	5,425,000.00

5,425,000.00

Tổng cộng

Tổng tiền lãi 5,425,000.00

Tiền bằng chữ Năm triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn VND chẵn

Ngày tháng năm

Lập biểu

Kiểm soát

Kế toán trưởng







*Khoá luận tốt nghiệp*

**Biểu 2.11 (Trích): Sổ cái TK 515**

**CÔNG TY TNHH CHÓNG ĂN MÒN HOÀNG LONG**

**SỔ CÁI**

**Năm 2008**

**Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính**

**Số hiệu: 515**

*Đơn vị tính: VND*

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày CT			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu năm</b>			
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
			<b>Số phát sinh tháng 3</b>			
26/03/08	PTL	25/03/08	Lãi tiền gửi - Ngân hàng TMCP quân đội	112		6,710
26/03/08	GBC	25/03/08	Lãi tiền gửi - Ngân hàng Vietcombank	112		29,605
31/03/08		31/03/08	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	36,315	
			<b>Cộng phát sinh T3</b>		<b>36,315</b>	<b>36,315</b>
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
			<b>Cộng lũy kế từ đầu năm</b>		<b>2,856,780</b>	<b>2,856,780</b>
			<b>Số dư cuối năm</b>			

**Kế toán**

*Ngày 31 tháng 12 năm 2008*

**Giám đốc**

*Khoá luận tốt nghiệp*

**Biểu 2.12 (Trích): Sổ cái TK 635**

**CÔNG TY TNHH CHÓNG ĂN MÒN HOÀNG LONG**

**SỔ CÁI**

**Năm 2008**

**Tên tài khoản: Chi phí hoạt động tài chính**

**Số hiệu: 635**

*Đơn vị tính: VND*

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày CT			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu năm</b>			
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
			<b>Số phát sinh tháng 3</b>			
31/03/08	PC08/3	30/03/08	Lãi tiền vay - Ngân hàng TMCP quân đội	111	5,425,000	
31/03/08		31/03/08	Kết chuyển chi phí tài chính	911		5,425,000
			<b>Cộng phát sinh T3</b>		<b>5,425,000</b>	<b>5,425,000</b>
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
			<b>Cộng lũy kế từ đầu năm</b>		<b>304,353,669</b>	<b>304,353,669</b>
			<b>Số dư cuối năm</b>			

**Kế toán**

*Ngày 31 tháng 12 năm 2008*

**Giám đốc**

### **2.2.3. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp**

#### **a/ Đặc điểm:**

Chi phí quản lý doanh nghiệp gồm nhiều loại chi phí như: Chi phí nhân viên quản lý, chi phí tiếp khách, chi phí khấu hao, thuế, phí và lệ phí, chi phí công cụ dụng cụ, chi phí bằng tiền khác. Tiền lương nhân viên quản lý chiếm tỷ trọng lớn nhất trong chi phí quản lý doanh nghiệp. Khác với chi phí nhân công trực tiếp sản xuất tính theo sản phẩm, lương của nhân viên quản lý được tính theo thời gian:

Thực lĩnh	=	Số tiền một ngày công	x	Số ngày công
--------------	---	--------------------------	---	-----------------

#### **b/ Chứng từ, sổ sách sử dụng:**

Để hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp công ty sử dụng TK 642 - “Chi phí quản lý doanh nghiệp”. Công ty chỉ sử dụng TK cấp 1 mà không sử dụng các TK chi tiết cấp 2. Các chứng từ, sổ sách công ty sử dụng là:

- Hoá đơn GTGT
- Phiếu chi, phiếu thu
- Bảng thanh toán lương
- Bảng phân bổ khấu hao
- Sổ cái TK 642

#### **c/ Quy trình hạch toán:**

Hàng ngày căn cứ vào các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động tiêu thụ được quy định là chi phí quản lý doanh nghiệp kế toán định khoản và vào các sổ sách có liên quan (sổ nhật ký chung, sổ cái TK 642,...)

#### **Ví dụ 4:**

- Ngày 06/03/08 Công ty trả cước điện thoại T02/08, số tiền: 1.315.682đ, kế toán viết phiếu chi số 01/3.

- Ngày 13/03/08 Công ty trả tiền mua điện thoại Nokia 5300, số tiền: 2.572.727đ, kế toán viết phiếu chi số 03/3.

Căn cứ vào các phiếu chi trên, kế toán vào sổ Nhật ký chung (xem biểu 2.5), sổ cái TK 642

CTY TNHH CHỐNG ẮN MÒN HOÀNG LONG

**PHIẾU CHI** số: ...0113..

Mẫu số 02 - TT  
QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
Ngày 15 tháng 03 năm 2006  
của Bộ Tài chính

Ngày 06 tháng 3 năm 2008

Ghi Nợ TK 642: 1.315.682 đ

Ghi Nợ TK 133: 131.569 đ

Ghi Có TK 111: 1.447.251 đ

Họ và tên người nhận tiền:

**Lương Thị Hồng Thu**

Địa chỉ:

Kế toán

Lý do chi:

Trả tiền cước điện thoại t02/08

Số tiền:

**1.447.251 đ**

Viết bằng chữ:

*Một triệu, bốn trăm bốn mươi bảy nghìn, hai trăm năm mươi một đồng.*

Kèm theo:

Ngày .... tháng .... năm 200...

Thủ trưởng đơn vị

Kế toán trưởng

Người lập phiếu

Thủ quỹ

Người nhận tiền

**Khoá luận tốt nghiệp**

CTY TNHH CHỐNG ẮN MÒN HOÀNG LONG

**PHIẾU CHI** số: ...05/3.

Mẫu số 02 - TT  
QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
Ngày 15 tháng 03 năm 2006  
của Bộ Tài chính

Ngày 15 tháng 3 năm 2008

Ghi Nợ TK 642: 2.572.727 đ

Ghi Nợ TK 133: 257.273 đ

Ghi Có TK 111: 2.830.000 đ

Họ và tên người nhận tiền: **Trần Quang Trung**  
Địa chỉ: Phó giám đốc  
Lý do chi: Trả tiền mua điện thoại Nokia 5300  
Số tiền: **2.830.000 đ**  
Viết bằng chữ: **Hai triệu, tám trăm ba mươi nghìn đồng chẵn.**

Kèm theo: 01 chứng từ

Ngày .... tháng .... năm 200...

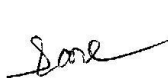
Thủ trưởng đơn vị

Kế toán trưởng

Người lập phiếu

Thủ quỹ

Người nhận tiền



**HÓA ĐƠN**  
**GIÁ TRỊ GIA TĂNG**  
Liên 2: Giao khách hàng

Mẫu số: 01-GTKT-3LL  
AY/2008B  
0006971

Ngày 13 tháng 3 năm 2008

Đơn vị bán hàng: **C. TY THƯƠNG MẠI HỒNG LĨN**  
Địa chỉ: **34 Trần Phú - Hải Phòng**  
Số tài khoản: **MST. 02005214693**  
Điện thoại: **MS**

Họ tên người mua hàng: **Công Ty TNHH Công cụ máy Hoàng Long**  
Tên đơn vị: **435 Đường 5/1 Hùng Vương - Hoàng - Lê**  
Địa chỉ: **Số tài khoản**  
Hình thức thanh toán: **TM MS: 0200638336**

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
01	MDD Nokia 5300	hộp	01	2572727	2572727
Công tiền hàng:					2572727
Thuế suất GTGT: 10 % Tiền thuế GTGT:					25727310
Tổng cộng tiền thanh toán:					2830000
Số tiền viết bằng chữ: <b>Hai triệu tám trăm ba mươi nghìn chẵn</b>					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Trưởng đơn vị (Ký, ghi rõ họ tên)	
				 <b>GIÁM ĐỐC</b> 	

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hàng)

In tại Công ty in Tài chính

**Khoá luận tốt nghiệp**

Số' 37

: Công ty TNHH chống ăn mòn Hoàng Long

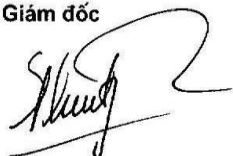
ận : Gián tiếp

**BẢNG THANH TOÁN LƯƠNG**

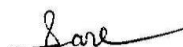
Tháng 3 năm 2008

Họ và tên	Tiền lương				Tổng cộng	Các khoản khấu trừ				Thực còn lĩnh kỳ II	Ký nhận
	Lương thời gian		Lương SP			Tạm ứng	BHXH (5%)	BHYT (1%)	Công đoàn (1%)		
	NC	Tiền	NC	Tiền							
Lê Văn Thung	26,0	3.900.000			3.900.000					3.900.000	K 07/3
Trần Quang Trung	26,0	3.380.000			3.380.000					3.380.000	
Nguyễn Thị Phương Nga	26,0	3.120.000			3.120.000					3.120.000	
Phạm Thị Quý	26,0	2.600.000			2.600.000					2.600.000	
Lương Thị Hồng Thu	26,0	2.600.000			2.600.000					2.600.000	
Lê Văn Hùng	26,0	2.080.000			2.080.000					2.080.000	
Ngô Thị Anh Đào	26,0	1.500.000			1.500.000					1.500.000	
<b>Cộng :</b>	<b>182,0</b>	<b>19.180.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>19.180.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>19.180.000</b>	

Giám đốc



Kế toán trưởng



Ngày 31 tháng 3 năm 2008

Người lập biểu





**Khoá luận tốt nghiệp**

**Biểu 2.13 (Trích): Sổ cái TK 642**

**CÔNG TY TNHH CHỐNG ẪN MÒN HOÀNG LONG**

**SỔ CÁI**

**Năm 2008**

**Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp**

**Số hiệu: 642**

*Đơn vị tính: VND*

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày CT			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu năm</b>			
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
			<b>Số phát sinh tháng 3</b>			
06/03/08	PC01/3	06/03/08	Trả tiền cước điện thoại T2/08	111	1,315,682	
08/03/08	PC02/3	08/03/08	Trả tiền thuê văn phòng	111	7,000,000	
13/03/08	PC03/3	13/03/08	Trả tiền mua điện thoại Nokia 5300	111	2,572,727	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	
31/03/08	BTTL	31/03/08	Lương phải trả bộ phận gián tiếp	334	19,180,000	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	
31/03/08		31/03/08	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911		33,095,939
			<b>Cộng phát sinh T3</b>		<b>33,095,939</b>	<b>33,095,939</b>
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
			<b>Cộng lũy kế từ đầu năm</b>		<b>435,375,190</b>	<b>435,375,190</b>
			<b>Số dư cuối năm</b>			

**Kế toán**

*Ngày 31 tháng 12 năm 2008*

**Giám đốc**

### **2.2.5. Kế toán hoạt động khác**

#### **a/ Đặc điểm**

Các hoạt động khác của công ty bao gồm: Thu nhập khác, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Tài khoản sử dụng:

- TK 711: “Thu nhập khác”
- TK 811: “Chi phí khác”

Thu nhập khác: Đây là các khoản thu nằm ngoài các khoản thu kể trên. Tại công ty các khoản thu nhập khác phát sinh không nhiều, chủ yếu là thu từ việc nhượng bán, thanh lý tài sản cố định.

Chi phí khác: Đây là những khoản chi không thuộc hoạt động sản xuất kinh doanh hay hoạt động tài chính. Cũng giống như thu nhập khác, chi phí cho hoạt động khác của công ty cũng chỉ là một con số nhỏ, chủ yếu là chi phí từ việc nhượng bán, thanh lý tài sản cố định.

#### **b/ Chứng từ, sổ sách sử dụng:**

- Hoá đơn GTGT
- Phiếu thu, phiếu chi
- Biên bản giao nhận TSCĐ
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 711, TK 811,

#### **c/ Quy trình hạch toán:**

Khi phát sinh các nghiệp vụ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, kế toán dựa vào các chứng từ gốc để vào sổ sách liên quan: sổ nhật ký chung, sổ cái TK 711, TK 811.

### **2.2.6. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

**a/ TK sử dụng:**

TK 821: “Chi phí thuế TNDN”: TK này dùng để phản ánh chi phí thuế TNDN phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:

Chi phí thuế TNDN	=	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	x	Thuế suất thuế TNDN (28%)
----------------------	---	--	---	------------------------------

**b/ Chứng từ, sổ sách sử dụng:**

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 821

**Ví dụ 5:** Kế toán tính chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tháng 3

$$\text{Chi phí thuế TNDN} = 79.269.916 \times 28\% = 22.195.576 \text{ (đồng)}$$

Sau đó kế toán vào sổ Nhật ký chung (xem biểu 2.5), sổ cái TK 821

*Khoá luận tốt nghiệp*

**Biểu 2.14 (Trích): Sổ cái TK 821**

**CÔNG TY TNHH CHỐNG ẪN MÒN HOÀNG LONG**

**SỔ CÁI**

**Năm 2008**

**Tên tài khoản: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

**Số hiệu: 821**

*Đơn vị tính: VNĐ*

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày CT			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu năm</b>			
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
			<b>Số phát sinh tháng 3</b>			
31/03/08		31/03/08	Thuế TNDN phải nộp	3334	20,868,376	
31/03/08		31/03/08	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911		20,868,276
			<b>Cộng phát sinh T3</b>		20,868,376	20,868,376
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
			<b>Cộng lũy kế từ đầu năm</b>		<b>349,128,769</b>	<b>349,128,769</b>
			<b>Số dư cuối năm</b>			

Kế toán

*Ngày 31 tháng 12 năm 2008*

**Giám đốc**

### **2.2.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh**

#### **a/ Đặc điểm:**

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty bao gồm:

\* *Kết quả sản xuất kinh doanh:*

Kết quả sản xuất kinh doanh	=	Doanh thu thuần	-	Giá vốn hàng bán	-	Chi phí QLDN
--------------------------------	---	--------------------	---	---------------------	---	-----------------

\* *Kết quả hoạt động tài chính*

Kết quả hoạt động tài chính	=	Doanh thu hoạt động tài chính	-	Chi phí Tài chính
--------------------------------	---	----------------------------------	---	----------------------

\* *Kết quả hoạt động khác*

Kết quả hoạt động khác	=	Thu nhập khác	-	Chi phí khác
---------------------------	---	------------------	---	-----------------

#### **b/ Nguyên tắc hạch toán:**

Kế toán sử dụng **TK 911** để xác định kết quả kinh doanh, phương pháp hạch toán như sau:

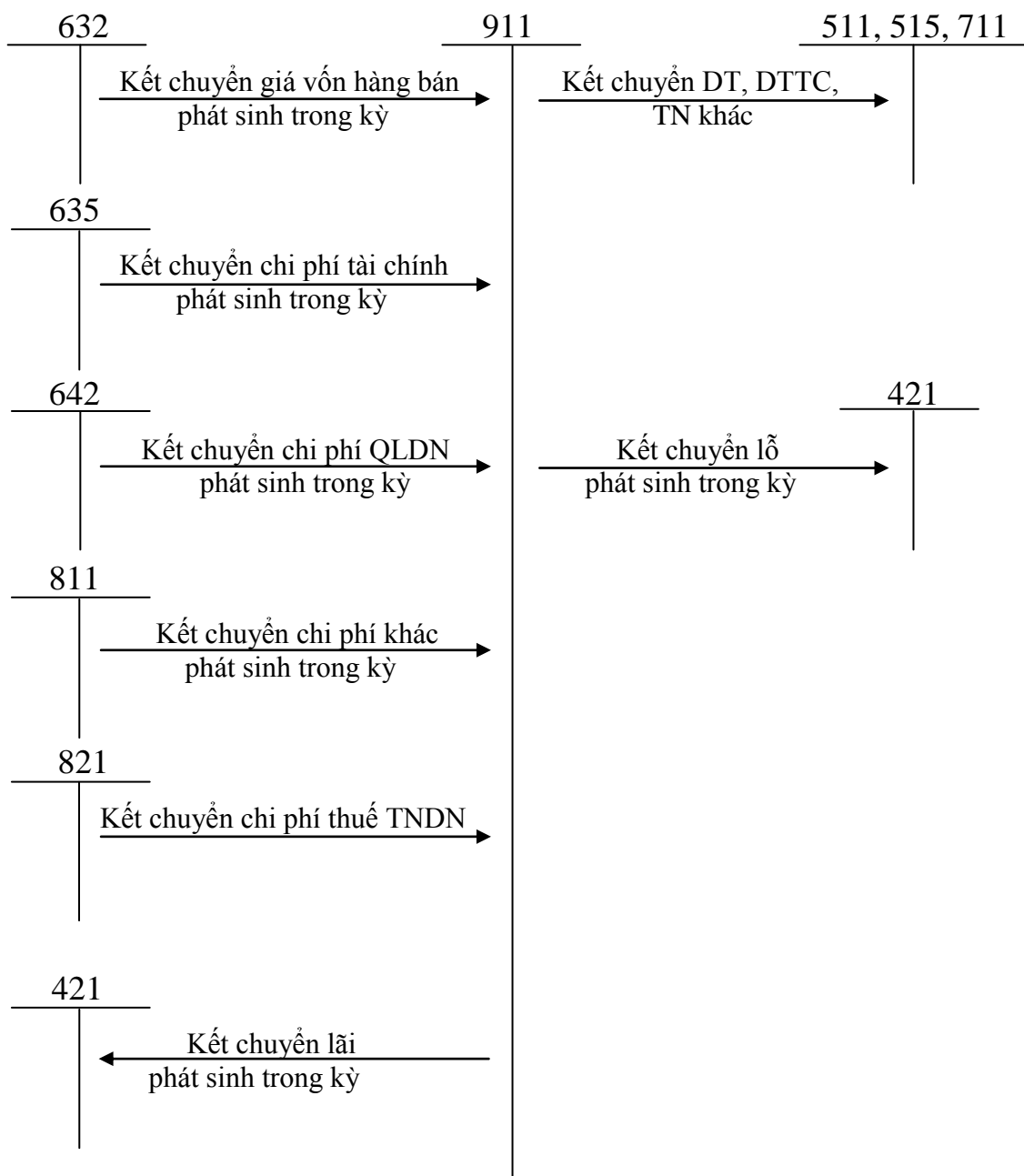
- Căn cứ để xác định kết quả kinh doanh là các số dư cuối quý, cuối năm của các TK 511, TK 515, TK 711, TK 632, TK 635, TK 642, TK 811,821. Số dư cuối quý, cuối năm của các TK 511, TK 515, TK 711 được kết chuyển vào bên có TK 911. Số dư cuối quý, cuối năm của các TK còn lại được kết chuyển vào bên nợ TK 911.

- Sau khi bù trừ hai bên Nợ - Có trên TK 911, kế toán xác định kết quả kinh doanh như sau:

➤ Nếu số tiền dư bên Nợ TK 911, tức là trong quý, năm kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty là lỗ và số tiền này được kết chuyển sang Nợ TK 421 – “Lợi nhuận chưa phân phối”.

➤ Nếu số tiền dư bên Có TK 911, tức là trong quý, năm kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty là lãi, số tiền này được kết chuyển sang bên Có TK 421.

**Biểu 2.15: Sơ đồ kế toán kết chuyển chi phí xác định kết quả kinh doanh**



(Nguồn: Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ)

**Ví dụ 6:**

Cuối tháng dựa vào Nhật ký chung (Xem biểu 2.5), sổ cái các TK 511, TK 632, TK 642, TK 515, TK 635, kế toán xác định kết quả kinh doanh T03/08, vào các sổ cái TK 821, TK 911, TK 421

**Khoá luận tốt nghiệp**

**Biểu 2.16 (Trích): Sổ cái TK 911**

**CÔNG TY TNHH CHỐNG ĂN MÒN HOÀNG LONG**

**SỔ CÁI**

Năm 2008

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

*Đơn vị tính: VNĐ*

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày CT			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu năm</b>			
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
			<b>Số phát sinh tháng 3</b>			
31/03/08		31/03/08	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ T3	511		1,412,681,747
31/03/08		31/03/08	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		36,315
31/03/08		31/03/08	Kết chuyển giá vốn hàng bán T3	632	1,299,667,207	
31/03/08		31/03/08	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	642	33,095,939	
31/03/08		31/03/08	Kết chuyển chi phí tài chính	635	5,425,000	
31/03/08		31/03/08	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	821	20,868,376	
31/03/08		31/03/08	Xác định kết quả kinh doanh	421	53,661,540	
			<b>Cộng phát sinh T3</b>		<b>1,412,718,062</b>	<b>1,412,718,062</b>
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
			<b>Cộng lũy kế từ đầu năm</b>		<b>19,717,762,511</b>	<b>19,717,762,511</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>			

Kế toán

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Giám đốc

*Khoá luận tốt nghiệp*

**Biểu 2.17 (Trích): Sổ cái TK 421**

**CÔNG TY TNHH CHÓNG ĂN MÒN HOÀNG LONG**

**SỔ CÁI**

**Năm 2008**

**Tên tài khoản: Lãi, lỗ**

**Số hiệu: 421**

*Đơn vị tính: VND*

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày CT			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu năm</b>			<b>410,860,563</b>
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
			<b>Số dư đầu T3</b>			<b>15,477,413</b>
			<b>Số phát sinh tháng 3</b>			
31/03/08		31/03/08	Lợi nhuận chưa phân phối	911		53,661,540
31/03/08		31/03/08	Trích lập quỹ đầu tư phát triển	414	26,830,770	
31/03/08		31/03/08	Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	10,732,308	
			<b>Cộng phát sinh T3</b>		<b>37,563,078</b>	<b>53,661,540</b>
			<b>Số dư cuối T3</b>			<b>31,575,875</b>
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
			<b>Cộng lũy kế từ đầu năm</b>		<b>1,061,486,221</b>	<b>1,548,385,348</b>
			<b>Số dư cuối năm</b>			<b>897,759,690</b>

*Ngày 31 tháng 12 năm 2008*

**Giám đốc**



**Biểu 2.18: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2008**

CÔNG TY TNHH CHỐNG ĂN MÒN HOÀNG LONG

Mẫu số B02-DN  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

*Năm 2008*

**Phần I - LÃI LỖ**

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		19,358,280,073	19,461,755,932
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		19,358,280,073	19,461,755,932
4. Giá vốn hàng bán	11		17,374,519,535	18,609,252,759
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ 20=(10-11)	20		1,983,760,538	852,503,173
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		2,856,780	1,903,470
7. Chi phí tài chính	22		304,353,669	43,225,000
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		304,353,669	43,225,000
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		435,375,190	240,541,972
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		1,246,888,459	570,639,671
11. Thu nhập khác	31			
12. Chi phí khác	32			
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40			
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1,246,888,459	570,639,671
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		349,128,769	159,779,108
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	02			
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		897,759,690	410,860,563
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70			

KẾ TOÁN

*Ngày 31 tháng 01 năm 2009*  
GIÁM ĐỐC

**CHƯƠNG III:**  
**MỘT SỐ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN CÔNG TÁC TỔ CHỨC KẾ TOÁN**  
**DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI**  
**CÔNG TY TNHH CHỐNG ĂN MÒN HOÀNG LONG**

**3.1. Đánh giá thực trạng về công tác tổ chức kế toán Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH chống ăn mòn Hoàng Long.**

**3.1.1. Đánh giá chung.**

Công ty TNHH chống ăn mòn Hoàng Long mới được thành lập được hơn ba năm nhưng được sự giúp đỡ, quan tâm của ban ngành Thành phố cũng như sự nhiệt tình của đội ngũ lao động có tay nghề cao, Công ty đã tạo dựng được nhiều uy tín và đáp ứng được yêu cầu cần thiết ngày càng lớn của thị trường trong nước cũng như ngoài nước.

Để có được thành công đó, Công ty đã tổ chức bộ máy quản lý gọn nhẹ, có sự phân công, phân nhiệm rõ ràng giữa các phòng ban, điều đó vừa giúp các phòng hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, vừa tạo sự gắn kết nhịp nhàng, đồng bộ trong mọi hoạt động của công ty. Cơ cấu tổ chức theo mô hình trực tuyến chức năng là phù hợp, đảm bảo sự chỉ đạo thống nhất của cấp trên đối với cấp dưới tránh sự chỉ đạo trùng lặp trong khâu tổ chức sản xuất.

Bộ phận kế toán của công ty gồm kế toán trưởng, kế toán tổng hợp, kế toán công nợ, thủ quỹ đều là những cán bộ trẻ, đầy nhiệt huyết, có trình độ được phân công nhiệm vụ rõ ràng nên công việc được giải quyết nhanh chóng tạo điều kiện cho các hoạt động liên quan không bị gián đoạn.

Công ty áp dụng hai hình thức trả lương là trả lương theo thời gian (đối với bộ phận gián tiếp) và trả lương theo sản phẩm (đối với bộ phận trực tiếp).

Sự kết hợp hai hình thức trả lương này cùng với chế độ nghỉ ngơi phù hợp đã góp phần khuyến khích công nhân viên hăng say làm việc, nâng cao năng suất lao động, đảm bảo chất lượng sản phẩm.

Việc thực hiện và tổ chức các chứng từ, tổ chức luân chuyển chứng từ đều phù hợp với chế độ kế toán. Các chứng từ được đánh số thứ tự đầy đủ, liên tục và đều được kiểm tra kỹ trước khi ghi sổ để đảm bảo tính hợp lý, hợp lệ và hợp pháp.

Nhìn chung, bộ máy kế toán của công ty khá hoàn thiện với sự tổ chức phân công hợp lý đã góp phần tích cực vào sự phát triển của công ty.

### ***3.1.2. Đánh giá khái quát về hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Chông ăn mìn Hoàng Long.***

#### ***3.1.2.1. Ưu điểm:***

Kế toán Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một trong những phần hành có ý nghĩa quan trọng. Vì vậy tổ chức hợp lý công tác kế toán này có ý nghĩa hết sức to lớn. Qua quá trình tìm hiểu phần hành kế toán này tại công ty TNHH Chông ăn mìn Hoàng Long em nhận thấy có những ưu điểm sau:

#### ***\* Về chứng từ và luân chuyển chứng từ:***

Hệ thống chứng từ đã được xây dựng phù hợp theo đúng mẫu biểu quy định, tổ chức luân chuyển chứng từ hợp lý tạo điều kiện cho việc kê khai thuế nộp thuế thuận lợi. Các chứng từ như: Phiếu xuất, Phiếu thu, Phiếu chi... phải có chữ ký duyệt của giám đốc. Sau quá trình luân chuyển, các chứng từ này được bảo quản, lưu trữ tại phòng kế toán theo đúng chế độ hiện hành.

#### ***\* Về sổ sách:***

Hệ thống sổ sách được tổ chức theo hình thức Nhật ký chung. Các nghiệp vụ bán hàng đều được kế toán ghi sổ, khi có đầy đủ các chứng từ hợp lý, hợp lệ và hợp pháp.

Doanh thu bán hàng được theo dõi trên các sổ chi tiết TK 511, cuối tháng tổng hợp trên sổ cái TK 511. Giá vốn hàng bán, chi phí quản lý đều được theo dõi trên các sổ tương ứng.

**\* Về hệ thống báo cáo:**

Hệ thống báo cáo tài chính của công ty gồm các báo cáo như: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Thuyết minh báo cáo tài chính. Các báo cáo quản trị như: Bảng tổng hợp nhập - xuất - tồn, báo cáo bán hàng... đã đáp ứng cơ bản về yêu cầu thông tin của ban lãnh đạo, giúp ban lãnh đạo đưa ra quyết định trong kinh doanh.

**3.1.2.2. Hạn chế:**

**\* Về tài khoản sử dụng:**

Chi phí quản lý doanh nghiệp được tập hợp chung trên TK 642 – “ Chi phí quản lý doanh nghiệp mà không được chi tiết theo từng khoản mục, ảnh hưởng đến việc quản lý chi phí. Chi phí này thường khá lớn trong tổng chi phí, do vậy công ty cần chi tiết tài khoản này theo chế độ, đảm bảo việc theo dõi được chặt chẽ, góp phần giảm chi phí gián tiếp cho công ty.

**\* Về hạch toán chi phí tiền lương:**

Công ty không có chế độ Bảo hiểm cho người lao động, vì vậy làm hạn chế khả năng sản xuất và sự gắn kết lâu dài của người lao động với công ty.

**\* Về chính sách ưu đãi cho người mua:**

Hiện nay công ty không có chính sách ưu đãi trong kinh doanh, đó là việc cho khách hàng hưởng các khoản chiết khấu. Thực tế cho thấy rằng các chính sách ưu đãi trong kinh doanh cũng là một trong những biện pháp nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty, đẩy nhanh doanh số tiêu thụ và rút ngắn vòng quay vốn, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Điều này trong nền kinh tế thị trường như hiện nay là rất cần thiết cho sự tồn tại của doanh nghiệp.

**\* Về lập Báo cáo tài chính:**

Công ty không lập Báo cáo tài chính đầy đủ theo đúng quy định hiện hành, cụ thể là không lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Việc này không đảm bảo tuân thủ chế độ kế toán.

**3.2. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện công tác tổ chức kế toán Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH chống ăn mòn Hoàng Long.**

**3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện**

Công ty TNHH chống ăn mòn Hoàng Long đã có một đội ngũ kế toán đồng đều về trình độ, luôn đoàn kết thống nhất với nhau để hoàn thiện tốt nhiệm vụ của mình, cung cấp đầy đủ thông tin cho bộ phận quản lý, góp phần không nhỏ vào sự phát triển của công ty. Tuy nhiên những tồn tại là tất yếu trong bất kỳ một bộ phận nào kể cả bộ máy kế toán. Do vậy yêu cầu hoàn thiện luôn đặt ra.

Bộ phận kế toán là bộ phận quan trọng không thể thiếu trong bất cứ doanh nghiệp nào. Bộ phận này có nhiệm vụ thu thập, tổng hợp, xử lý và cung cấp thông tin hữu ích cho toàn doanh nghiệp. Do đó nó ngày càng phải được hoàn thiện để đáp ứng tốt với sự thay đổi của doanh nghiệp, chế độ kế toán để công tác kế toán luôn là người hỗ trợ đắc lực cho lãnh đạo công ty, cho các cơ quan quản lý Nhà nước.

Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là phần hành phần hành kế toán quan trọng nhất, nó xác định toàn bộ nỗ lực của doanh nghiệp từ khâu mua các yếu tố đầu vào cho sản xuất đến khâu tổ chức sản xuất và tiêu thụ. Vì vậy yêu cầu hạch toán đúng, đầy đủ theo đúng chế độ kế toán hiện hành được đặt ra cao hơn so với các phần hành khác vì mỗi phần hành nhỏ trong quy trình hạch toán lại ảnh hưởng đến kết quả chung của toàn bộ doanh nghiệp.

Hạch toán đúng phân hành này không những xác định đúng kết quả cho doanh nghiệp đã đạt được trong kỳ mà còn có tác dụng nâng cao hiệu quả lao động của các bộ phận trong công ty bởi thông tin kế toán là những thông tin tổng hợp, nó tác động đến tất cả các hoạt động của công ty.

### **3.2.2. Phương hướng hoàn thiện**

Do tầm quan trọng của phân hành kế toán Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nên hoàn thiện phải đảm bảo các yêu cầu sau:

**Thứ nhất**, hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tôn trọng cơ chế tổ chức, tôn trọng chế độ kế toán. Kế toán là một công cụ quản lý tài chính quan trọng của Nhà nước, do đó tuân thủ đúng chế độ sẽ tạo điều kiện thuận lợi hơn cho doanh nghiệp và các cơ quan quản lý. Do chế độ kế toán chỉ dừng lại ở kế toán tổng hợp nên việc vận dụng linh hoạt vào mỗi doanh nghiệp là hết sức cần thiết nhưng phải trong khuôn khổ cơ chế tài chính và tôn trọng chế độ kế toán.

**Thứ hai**, hoàn thiện trên cơ sở đảm bảo công tác kế toán phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và đáp ứng nhu cầu cung cấp thông tin kịp thời, chính xác, phù hợp với yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.

**Thứ ba**, hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tiết kiệm chi phí, giảm nhẹ công việc kế toán nhưng vẫn đảm bảo tính khoa học, đảm bảo hiệu quả của công tác nói chung.

Trong thời gian thực tập tại công ty TNHH chống ăn mòn Hoàng Long em đã đi tìm hiểu, nghiên cứu sâu hơn thực trạng công tác tổ chức kế toán Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty. Em nhận thấy công ty đã thực hiện khá tốt công tác kế toán này, đáp ứng được yêu cầu quản lý, phù hợp với đặc điểm của công ty và tuân thủ pháp luật. Tuy nhiên vẫn tồn tại một số điểm hạn chế, chưa hợp lý, chưa thật tối ưu.

**3.2.3. Nội dung và phương hướng hoàn thiện công tác tổ chức kế toán Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH chống ăn mòn Hoàng Long.**

**1/ Về tài khoản sử dụng:**

Để quản lý chi phí một cách chặt chẽ, đánh giá chính xác các khoản mục chi phí cho hoạt động kinh doanh, công ty nên sử dụng chi tiết TK 642 – “Chi phí quản lý doanh nghiệp” theo đúng chế độ để hạch toán riêng các khoản chi phí về:

- Chi phí nhân viên
- Chi phí vật liệu, bao bì
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- Chi phí khấu hao TSCĐ
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí khác bằng tiền

**2/ Về hệ thống sổ kế toán:**

Để tiện cho việc theo dõi doanh thu, lợi nhuận của các công trình kế toán nên lập bảng tổng kết quả sản xuất kinh doanh theo mẫu sau:

***Bảng tổng hợp doanh thu***  
***Tháng.....***

Tên công trình	Doanh thu	Các khoản giảm trừ	Doanh thu thuần	Giá vốn hàng bán	Lãi gộp
.....	.....	.....	.....	.....	.....
<b>Tổng cộng</b>	.....	.....	.....	.....	.....

Ví dụ: Lập bảng tổng hợp kết quả kinh doanh T3/08

**BẢNG TỔNG HỢP DOANH THU**

**Tháng 03 năm 2008**

*Đơn vị tính: VNĐ*

<b>Tên công trình</b>	<b>Doanh thu</b>	<b>Các khoản giảm trừ</b>	<b>Doanh thu thuần</b>	<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>Lãi gộp</b>
Công trình nhà máy lọc dầu Dung Quất	360,546,560		360,546,560	331,702,836	28,843,724
Công trình đóng tàu Đại Dương	938,090,000		938,090,000	863,042,800	75,047,200
.....	.....	.....	.....	.....	.....
<b>Tổng cộng</b>	<b>1,412,681,747</b>		<b>1,412,681,747</b>	<b>1,299,667,207</b>	<b>113,014,540</b>

**3/ Về hạch toán chi phí tiền lương:**

Để tạo sự gắn bó lâu dài giữa người công ty với người lao động, công ty nên áp dụng chế độ bảo hiểm phù hợp cho người lao động. Hàng tháng tiến hành trích Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn theo tỷ lệ quy định:

<b>Nội dung</b>	<b>Người lao động ( Trừ vào lương)</b>	<b>Người sử dụng lao động ( Tính vào chi phí)</b>
1. Quỹ bảo hiểm xã hội	5%	15%
2. Quỹ bảo hiểm y tế	1%	2%
3. Quỹ kinh phí công đoàn	0%	2%
<b>Cộng</b>	<b>6%</b>	<b>19%</b>

**4/ Về việc sử dụng phần mềm kế toán**



Với bộ máy kế toán gồm ít người như tại công ty TNHH công nghệ Hoàng Long thì việc vẫn duy trì hình thức kế toán thủ công sẽ khiến công việc của các kế toán trở lên khó khăn bởi nhiều khi công việc quá nhiều sẽ làm giảm hiệu quả công việc. Nếu công ty đưa phần mềm kế toán vào sử dụng chắc chắn gánh nặng công việc sẽ giảm xuống khá nhiều mà hiệu quả lại được nâng cao

***5/ Về việc áp dụng chính sách ưu đãi đối với khách:***

Để đẩy nhanh công tác bán hàng, thu hồi nhanh chóng tiền hàng, công ty cần có chế độ khuyến khích đối với khách hàng. Các chính sách đó bao gồm;

- Chiết khấu thương mại: Đây là khoản công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng nếu khách hàng gia công sản phẩm với khối lượng nhiều. Khoản giảm giá có thể phát sinh trên khối lượng từng lô hàng mà công ty nhận gia công, cũng có thể phát sinh trên tổng khối lượng hàng lũy kế mà công ty đã gia công trong một quãng thời gian nhất định.

- Giảm giá hàng bán: Đây là khoản giảm trừ cho người mua do toàn bộ hay một phần hàng gia công kém phẩm chất, sai quy cách.

***6/ Về việc lập Báo cáo tài chính:***

Hiện nay , công ty chỉ lập Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Thuyết minh báo cáo tài chính vào cuối năm tài chính mà không lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Công ty cần xem xét lại để đảm bảo thực hiện theo đúng chế độ kế toán. Hơn nữa việc lập đầy đủ các Báo cáo tài chính cũng rất cần thiết, giúp nhà quản lý nắm bắt rõ hơn về tình hình hoạt động kinh doanh của công ty nói chung, tình hình lưu chuyển nguồn vốn, khả năng thanh toán, ... của công ty nói riêng. Từ đó đưa ra quyết định tài chính đúng đắn để phát triển công ty.

## **KẾT LUẬN**

Trong nền kinh tế thị trường cạnh tranh vô cùng quyết liệt, yêu cầu đặt ra đối với mỗi doanh nghiệp sản xuất là làm thế nào với một khối lượng nguyên vật liệu và tiền vốn nhất định có thể tạo ra được sản phẩm có chất lượng cao nhất, hiệu quả nhất, đồng thời có được lợi nhuận đảm bảo cho đời sống cán bộ công nhân viên, thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước và phục vụ cho việc tái sản xuất mở rộng.

Qua thời gian thực tập tại Công ty TNHH chông ăn mòn Hoàng Long em đã nghiên cứu, tìm hiểu về mô hình cũng như công tác tổ chức hạch toán kế toán tại công ty, em đã chọn phân hành “Hoàn thiện công tác tổ chức kế toán Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH chông ăn mòn Hoàng Long” là đề tài khoá luận tốt nghiệp. Nhờ sự giúp đỡ tận tình của cô giáo hướng dẫn **CN. GVC. Bùi Thị Chung** và Ban lãnh đạo công ty đặc biệt là các anh chị phòng tài chính kế toán em xin đóng góp một vài ý kiến góp phần hoàn thiện công tác hạch toán kế toán tại công ty

Do trình độ còn hạn chế, kiến thức thực tế còn ít ỏi, thời gian thực tập tìm hiểu chưa sâu nên không tránh khỏi những thiếu sót. Rất mong nhận được sự góp ý của toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty, các thầy cô giáo để bài khoá luận tốt nghiệp của em được phong phú về lý luận và đi sát thực tế hơn.

***Em xin chân thành cảm ơn!***

*Hải phòng, ngày 15 tháng 06 năm 2008*

**Sinh viên thực hiện**

**Phạm Thị Thanh Loan**

## **DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Lý thuyết và thực hành kế toán tài chính - Nhà xuất bản Tài chính, HN 2006
2. Giáo trình Kế toán tài chính Doanh nghiệp - Nhà xuất bản Đại học KTQD
3. Chế độ kế toán (quyển 1 + quyển 2)
4. Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa - Nhà xuất bản Lao động – Xã hội, HN 2007.
5. Báo cáo tài chính Công ty TNHH chống ăn mòn Hoang Long
6. Sổ chi tiết, sổ cái, nhật ký chung 2008.
7. Các tài liệu tham khảo khác.

